

Số bằng: GT 622 bm Quyết định số: 428/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

99 Liệt sĩ: **CAO BÁ TÝ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950

Số bằng: OC 037 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

100 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH TRINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1974

Số bằng: VB 331 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

101 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN XE**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1972

Số bằng: QI 300 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 20 tháng 12 năm 1975

102 Liệt sĩ: **CAO SỸ DẠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969

Số bằng: HG 154 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

103 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ TRỌNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1971

Số bằng: TD 050 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

104 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THIẾT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975

Số bằng: RL 995 bm Quyết định số: 313/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

105 Liệt sĩ: **VŨ HỮU THÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1969

Số bằng: PY 446 bm Quyết định số: 422/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

106 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1976

Số bằng: 7AA 239 bm Quyết định số: 80/CTKT ngày 11 tháng 11 năm 1981

107 Liệt sĩ: **ĐỖ HUY ONG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968

Số bằng: UQ 673 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

108 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY ĐỖM**

Cán bộ, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc

kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1950

Số bằng: XA 199 cp Quyết định số: 98/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1959

109 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY NGỌC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1969

Số bằng: BH 607 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

110 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN CẢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1980

Số bằng: 2AB 652 bm Quyết định số: 258/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

111 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN LỘC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1972

Số bằng: KB 132 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

112 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1973

Số bằng: SQ 510 bm Quyết định số: 525/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1976

113 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THỰC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968

Số bằng: SQ 733 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

114 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968

Số bằng: TM 749 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

115 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TẠO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975

Số bằng: RQ 035 bm Quyết định số: 313/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

116 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOẠI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 9 năm 1953

Số bằng: XX 963 bp Quyết định số: 118/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1960

117 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN QUYỀN**

Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 1 năm 1953

Số bằng: XA 1,647 cp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

118 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 2 năm 1979
Số bằng: BL 390 bt Quyết định số: 117/CTKT ngày 10 tháng 6 năm 1987

119 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỖNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: SR 490 bm Quyết định số: 539/TTGa ngày 30 tháng 11 năm 1976

120 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẰM**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: EN 785 bm Quyết định số: 166/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1973

121 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUY**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 5 năm 1949
Số bằng: ĐX 442 kp Quyết định số: 348/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1999

122 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Hòa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 1 năm 1953
Số bằng: CM 339 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

123 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH QUYỀN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: SY 953 bm Quyết định số: 480/TTGa ngày 1 tháng 11 năm 1976

124 Liệt sĩ: **NGUYỄN TUYẾT**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1964
Số bằng: 4X 124 bm Quyết định số: 258/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978

125 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỮU**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1973
Số bằng: VI 088 bm Quyết định số: 325/TTGa ngày 20 tháng 4 năm 1977

126 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC TÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 8 năm 1950
Số bằng: HG 087 bp Quyết định số: 1666/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 2006

127 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ THANH**

Thương binh, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 7 năm 1984
Số bằng: BL 395 vt Quyết định số: 117/CTKT ngày 10 tháng 6 năm 1987

128 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NIỆM**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Thửa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1974
Số bằng: SY 316 bm Quyết định số: 541/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

129 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DƯƠNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: RQ 096 bm Quyết định số: 313/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

130 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY LIỆU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1973
Số bằng: DD 106 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975

131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẬU**

Phó Chủ tịch, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1950
Số bằng: XA 1,654 cp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

132 Liệt sĩ: **CAO QUANG DIỄN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SY 186 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

133 Liệt sĩ: **CAO QUANG LẠI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NV 246 bm Quyết định số: 442/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1974

134 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DIỆP**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SY 187 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

135 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY KHẢI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NA 298 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1974

136 Liệt sĩ: **ĐÀO BÁ THƯỜNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SQ 756 bm Quyết định số: 547/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

137 Liệt sĩ: **VŨ VĂN QUYẾT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HD 705 bm Quyết định số: 496/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

138 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1970
Số bằng: RL 910 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

139 Liệt sĩ: **VŨ VĂN QUẮC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: HE 152 bm Quyết định số: 536/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1973

140 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN NHẠM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1967
Số bằng: CM 317 bm Quyết định số: 8/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1968

141 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN QUẢNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969
Số bằng: VA 341 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

142 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG CA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 3 năm 1953
Số bằng: MX 474 bp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1962

143 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1968
Số bằng: HL 095 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

144 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NĂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 7 năm 1979
Số bằng: 9Z 540 bt Quyết định số: 737/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

145 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG DIỆP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1972
Số bằng: LN 356 bm Quyết định số: 131/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

146 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MIỆN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 2 năm 1951
Số bằng: AX 561 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

147 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1970

Số bằng: HG 291 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1973

148 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HIỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1969

Số bằng: ĐS 931 bm Quyết định số: 94/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

149 Liệt sĩ: **TÀNG VĂN QUANG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1969

Số bằng: SY 941 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

150 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÙY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1966

Số bằng: HD 903 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

151 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH HIỆN**

Chính trị viên Đại đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1971

Số bằng: HG 314 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1973

152 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÀNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1968

Số bằng: BH 581 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

153 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC KHÁNH**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972

Số bằng: LH 603 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1974

154 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỂM**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1967

Số bằng: BN 384 bm Quyết định số: 82/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1972

155 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THUÔNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1967

Số bằng: CM 299 bm Quyết định số: 8/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1968

156 Liệt sĩ: **PHÍ HỮU THỨ**

Cán bộ, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1951

Số bằng: XA 1,686 cp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

157 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CAO**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài,

tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1970
Số bằng: HD 416 bm Quyết định số: 3/TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1974

158 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC TIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1973
Số bằng: LO 596 bm Quyết định số: 185/TTGa ngày 22 tháng 4 năm 1974

159 Liệt sĩ: **TRẦN ĐĂNG DỰ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 4 năm 1981
Số bằng: 2AB 606 bt Quyết định số: 258/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

160 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 8 năm 1980
Số bằng: 9AA 437 bt Quyết định số: 52/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982

161 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XOA**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1975
Số bằng: VD 264 bm Quyết định số: 296/TTGa ngày 15 tháng 4 năm 1977

162 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CUỘC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1974
Số bằng: UO 828 bm Quyết định số: 207/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977

163 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN DỄ**

Y tá, Nguyên quán: xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1971
Số bằng: SY 180 bm Quyết định số: 28/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1977

164 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG SỬ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1972
Số bằng: OG 918 bm Quyết định số: 644/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1974

165 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG THÁI**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VA 595 bm Quyết định số: 232/TTGa ngày 1 tháng 4 năm 1977

166 Liệt sĩ: **LÊ MINH LẠI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HG 386 bm Quyết định số: 583/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1973

167 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN TIẾN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1967
Số bằng: OD 637 bm Quyết định số: 545/TTGa ngày 4 tháng 11 năm 1974

168 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN NGHIÊM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CM 307 bm Quyết định số: 8/TTGa ngày 13 tháng 1 năm 1968

169 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HÂN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3H 905 bm Quyết định số: 156/TTGa ngày 22 tháng 2 năm 1978

170 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BẠ**

Trưởng thôn, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1952
Số bằng: ĐC 195 cp Quyết định số: 693/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1977

171 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG ICH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1953
Số bằng: MX 491 bp Quyết định số: 245/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1962

172 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG THỎA**

Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 1 năm 1951
Số bằng: ĐC 800 kp Quyết định số: 200/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977

173 Liệt sĩ: **TRẦN VIỆT HỆ**

Chính trị viên huyện đội, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 1 năm 1952
Số bằng: MX 493 bp Quyết định số: 245/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1962

174 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TRAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MO 156 bm Quyết định số: 151/TTGa ngày 19 tháng 6 năm 1970

175 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1970
Số bằng: SQ 589 bm Quyết định số: 538/TTGa ngày 30 tháng 11 năm 1976

176 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TỐ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1973
Số bằng: OT 293 bm Quyết định số: 98/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1975

177 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HÂN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1973
Số bằng: RL 760 bm Quyết định số: 314/TTGa ngày 15 tháng 7 năm 1976

178 Liệt sĩ: **LƯU VĂN HÒA**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1974
Số bằng: UL 993 bm Quyết định số: 205/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977

179 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊU**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1950
Số bằng: EC 059 kp Quyết định số: 506/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

180 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢNG**

Thông tin tuyên truyền xã, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1952
Số bằng: AO 440 cp Quyết định số: 82/CTKT ngày 6 tháng 3 năm 1985

181 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DUỆ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NV 198 bm Quyết định số: 442/TTGa ngày 30 tháng 8 năm 1974

182 Liệt sĩ: **LƯU VĂN KHẨN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 10 năm 1947
Số bằng: CĐ 038 kp Quyết định số: 33/CTKT ngày 1 tháng 3 năm 1989

183 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÁN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1967
Số bằng: EN 819 bm Quyết định số: 166/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1973

184 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỨC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 2 năm 1951
Số bằng: DH 094 kp Quyết định số: 255/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1993

185 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 7L 427 bt Quyết định số: 1455/TTGa ngày 21 tháng 12 năm 1978

186 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THÁP**

Thương binh, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 10 năm 1991
Số bằng: DC 420 vt Quyết định số: 46/CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992

187 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**

Thương binh, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1976

Số bằng: BC 977 vt Quyết định số: 180/CTKT ngày 25 tháng 6 năm 1986

188 Liệt sĩ: **ĐỒNG KHẮC PHẠM**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 12 năm 1950

Số bằng: XM 143 bp Quyết định số: 518/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1958

189 Liệt sĩ: **LƯU VĂN GỘC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1949

Số bằng: BC 274 kp Quyết định số: 132/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1972

190 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CÁN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 10 năm 1947

Số bằng: CD 039 kp Quyết định số: 03/CTKT ngày 1 tháng 3 năm 1989

191 Liệt sĩ: **LƯU QUANG KHƯƠNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968

Số bằng: EK 917 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1973

192 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẾ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 9 năm 1951

Số bằng: XM 149 bp Quyết định số: 518/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1958

193 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TIỂU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1967

Số bằng: AT 996 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

194 Liệt sĩ: **HÀN VĂN BỘI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1971

Số bằng: RL 710 bm Quyết định số: 314/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

195 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐIỀN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 12 năm 1950

Số bằng: XG 282 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

196 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1951

Số bằng: Gk 485 bp Quyết định số: 347/TTg ngày 7 tháng 4 năm 2004

197 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ CỘI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1950

Số bằng: GA 127 kp Quyết định số: 1142/TTg ngày 29 tháng 11 năm 2002

198 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 2 năm 1953

Số bằng: MX 494 bp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1962

199 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÔI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 9 năm 1980

Số bằng: 3AA 710 bt Quyết định số: 156/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1981

200 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1969

Số bằng: SY 365 bm Quyết định số: 541/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

201 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHIẾN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969

Số bằng: PG 816 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

202 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIỆM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972

Số bằng: LG 995 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1974

203 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THƯỜNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 1 năm 1951

Số bằng: XR 435 bp Quyết định số: 396/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

204 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯỜNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 1 năm 1952

Số bằng: NX 148 bp Quyết định số: 327/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1962

205 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LỰC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969

Số bằng: SQ 876 bm Quyết định số: 547/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

206 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÁT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lãng, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1969
Số bằng: SY 707 bm Quyết định số: 534/TTGa ngày 30 tháng 11 năm 1976

207 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lăng, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 8 năm 1986
Số bằng: BR 132 bt Quyết định số: 249/CTKT ngày 28 tháng 10 năm 1987

208 Liệt sĩ: **NGUYỄN ÁI CHUYỀN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1969
Số bằng: SY 611 bm Quyết định số: 47/TTGa ngày 19 tháng 1 năm 1977

209 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG TIẾP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: Bb 078 bm Quyết định số: 263/TTGa ngày 15 tháng 11 năm 1971

210 Liệt sĩ: **ĐOÀN KHẮC KỶ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trùng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RB 747 bm Quyết định số: 182/TTGa ngày 19 tháng 5 năm 1976

211 Liệt sĩ: **ĐOÀN KHẮC THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trùng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1973
Số bằng: VE 313 bm Quyết định số: 250/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1977

212 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH NHẠM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Hòa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 4 năm 1953
Số bằng: XG 324 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

213 Liệt sĩ: **VŨ VIỆT QUẢNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8R 444 bt Quyết định số: 584/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1979

214 Liệt sĩ: **TÓNG ĐỨC ĐẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 7 năm 1947
Số bằng: ZC 876 bp Quyết định số: 171/TTGa ngày 23 tháng 4 năm 1957

215 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TÙY**

Y tá, Nguyên quán: xã Phá Lăng, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1953
Số bằng: XR 484 bp Quyết định số: 396/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1959

216 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HÒA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1968
Số bằng: AL 501 bm Quyết định số: 99/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1971

217 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ ĐÔN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: GQ 040 bm Quyết định số: 322/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1973

218 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NHƯỘC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NV 443 bm Quyết định số: 507/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974

219 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1951
Số bằng: XM 260 kp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

220 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN THÔNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1967
Số bằng: VO 299 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977

221 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XUYỀN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 7 năm 1951
Số bằng: GH 221 kp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

222 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TU**

Dân công, Nguyên quán: xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1950
Số bằng: GH 275 cp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỘC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 2 năm 1953
Số bằng: LX 569 bp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

224 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG LIÊN**

Công an, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 1 năm 1949
Số bằng: XB 491 cp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

225 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HIẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1968
Số bằng: SR 397 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

226 Liệt sĩ: **BÙI HỮU KHÔN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1968
Số bằng: VH 187 bm Quyết định số: 298/TTGa ngày 15 tháng 4 năm 1977

227 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8R 475 bt Quyết định số: 584/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1979

228 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 9 năm 1949
Số bằng: LX 564 bp Quyết định số: 95/TTGa ngày 2 tháng 4 năm 1962

229 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIẾT HỒNG**

Công nhân, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 4M 196 ct Quyết định số: 737//TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1980

230 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÀN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XG 288 kp Quyết định số: 424/TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1959

231 Liệt sĩ: **TRẦN TIẾN THÙ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8M 065 bt Quyết định số: 445/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1979

232 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHẬN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: HG 141 bm Quyết định số: 1666/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 2006

233 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG SÙNG**

Công an, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 9 năm 1948
Số bằng: XB 490 cp Quyết định số: 95/TTGa ngày 2 tháng 4 năm 1962

234 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THẮT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1973
Số bằng: LO 640 bm Quyết định số: 185/TTGa ngày 22 tháng 4 năm 1974

235 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÙY**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969
Số bằng: ET 441 bm Quyết định số: 167/TTg ngày 3 tháng 5 năm 1973

236 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY SÂM**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1952

Số bằng: LX 553 bp Quyết định số: 95/TTGa ngày 2 tháng 4 năm 1962

237 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC THƯỜNG**

Thông tin viên xã, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1947

Số bằng: Xb 494 cp Quyết định số: 95//TTGa ngày 2 tháng 4 năm 1962

238 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NHIÊN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969

Số bằng: AT 811 bm Quyết định số: 195/TTGa ngày 16 tháng 8 năm 1971

239 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ KINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1973

Số bằng: LN 387 bm Quyết định số: 131/TTGa ngày 28 tháng 3 năm 1974

240 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1949

Số bằng: LX 562 bp Quyết định số: 95/TTGa ngày 2 tháng 4 năm 1962

241 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẠO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972

Số bằng: UL 896 bm Quyết định số: 205/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977

242 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯỚNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1953

Số bằng: LX 572 bp Quyết định số: 95/TTGa ngày 2 tháng 4 năm 1962

243 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG DỰ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1970

Số bằng: SY 192 bm Quyết định số: 28/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1977

244 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LỤC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972

Số bằng: SQ 875 bm Quyết định số: 547/TTGa ngày 7 tháng 12 năm 1976

245 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN ĐƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh,

đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1953
Số bằng: GH 118 bp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

246 Liệt sĩ: **TRẦN TIẾN PHIÊN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1975
Số bằng: VO 199 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

247 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT KHOAN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1971
Số bằng: HL 123 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

248 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG VƯỢNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: HL 233 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

249 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT PHÚC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1971
Số bằng: EK 894 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1973

250 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TÁC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AD 721 bm Quyết định số: 43/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

251 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÙNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1950
Số bằng: XG 300 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

252 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIỀU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 10 năm 1952

Số bằng: XH 798 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

253 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN PHẪNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1973
Số bằng: VH 061 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

254 Liệt sĩ: **NGUYỄN TUẤN CHỮ**

Thương binh, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 1 năm 1984
Số bằng: BL 383 vt Quyết định số: 117/CTKT ngày 10 tháng 6 năm 1987

255 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THẮNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1970
Số bằng: OG 981 bm Quyết định số: 644/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1974

256 Liệt sĩ: **LƯU MINH HIẾU**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Rạch Giá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1965
Số bằng: OR 667 bm Quyết định số: 90/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1976

257 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC DẦN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1971
Số bằng: HG 152 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

258 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 8 năm 1950
Số bằng: XR 925 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

259 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC BIỆN**

Nhân viên, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1967
Số bằng: HM 116 cm Quyết định số: 43/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1971

260 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG BÁI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EN 721 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1973

261 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ BÚT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1972
Số bằng: PY 412 bm Quyết định số: 422/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

262 Liệt sĩ: **HOÀNG BÁ RỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1953
Số bằng: GH 115 bp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

263 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐỨC THẠCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1970
Số bằng: VA 581 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

264 Liệt sĩ: **TRẦN DUY KIÊM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1966
Số bằng: PL 831 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975

265 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC PHỎ**

Đảng viên, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1950

Số bằng: XB 512 cp Quyết định số: 95/TTGa ngày 2 tháng 4 năm 1962

266 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DUY**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968

Số bằng: EN 767 bm Quyết định số: 166/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1973

267 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MIỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1971

Số bằng: QB 435 bm Quyết định số: 456/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1975

268 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CHĂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1967

Số bằng: CM 852 bm Quyết định số: 98/TTGa ngày 5 tháng 6 năm 1968

269 Liệt sĩ: **LÊ DANH HÒA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1968

Số bằng: AT 907 bm Quyết định số: 196/TTGa ngày 16 tháng 8 năm 1971

270 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHẠM**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1974

Số bằng: SY 739 bm Quyết định số: 534/TTGa ngày 30 tháng 11 năm 1976

271 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHƯƠNG**

Phó chủ tịch Ủy Ban xã, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 6 năm 1947

Số bằng: XA 1,659 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

272 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÒI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1967

Số bằng: CM 316 bm Quyết định số: 8/TTGa ngày 13 tháng 1 năm 1968

273 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÁN**

Y tá, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1969

Số bằng: UL 870 bm Quyết định số: 205/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977

274 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN TÀI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968

Số bằng: KB 172 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

275 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG THỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1971

Số bằng: NA 265 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1974

276 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TIẾT**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1969

Số bằng: SR 890 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

277 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG KHÁNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1968

Số bằng: AB 501 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1971

278 Liệt sĩ: **LƯU VĂN MẠM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1968

Số bằng: ER 416 bm Quyết định số: 211/TTg ngày 2 tháng 6 năm 1973

279 Liệt sĩ: **LƯU XUÂN CHÍNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 4 năm 1980

Số bằng: 3AA 727 bt Quyết định số: 156/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1981

280 Liệt sĩ: **VŨ HUY THĂNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 2 năm 1950

Số bằng: Xm 241 kp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

281 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG THÀNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1967

Số bằng: GA 210 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

282 Liệt sĩ: **ĐOÀN CÔNG SOẠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1971

Số bằng: KO 234 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1974

283 Liệt sĩ: **TRẦN THẾ CÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 2 năm 1952

Số bằng: LX 541 bp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

284 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÊM**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc

kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1948
Số bằng: GH 215 kp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

285 Liệt sĩ: CÁT VĂN TRÀ

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1969
Số bằng: GA 127 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

286 Liệt sĩ: CÁT VĂN SANG

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1971
Số bằng: BK 267 bm Quyết định số: 33/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

287 Liệt sĩ: NGUYỄN ĐĂNG THÁI

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1971
Số bằng: GO 267 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

288 Liệt sĩ: ĐOÀN TRẮC ĐIỆN

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XM 116 bp Quyết định số: 518/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1958

289 Liệt sĩ: ĐẶNG DANH TOÀN

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1968
Số bằng: HL 071 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

290 Liệt sĩ: NGUYỄN KIM TÝ

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1970
Số bằng: UY 330 bm Quyết định số: 243/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

291 Liệt sĩ: NGUYỄN THÁI BẢO

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1974
Số bằng: RB 637 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

292 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TỐ

Công dân, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1953
Số bằng: XB 480 cp Quyết định số: 95/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1962

293 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THUẬN

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1947
Số bằng: XR 433 bp Quyết định số: 396/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

294 Liệt sĩ: NGUYỄN BÁ VIỆT

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1972
Số bằng: GT 892 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

295 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠI**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1973
Số bằng: UA 975 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

296 Liệt sĩ: **ĐOÀN CÔNG QUÂN**

Thương binh, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1977
Số bằng: AQ 134 vm Quyết định số: 43/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982

297 Liệt sĩ: **ĐOÀN TRẮC THUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: NM 191 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1969

298 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHIÊN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1969
Số bằng: YL 504 bm Quyết định số: 762/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977

299 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH VƯỢNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1949
Số bằng: XQ 2,348 bm Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959

300 Liệt sĩ: **LÊ TIẾN TRỊ**

Phó Chủ tịch, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 2 năm 1953
Số bằng: ĐN 371 bp Quyết định số: 995/TTg ngày 22 tháng 11 năm 1997

301 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THỦY**

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1971

Số bằng: HG 529 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

302 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9Q 912 bt Quyết định số: 499/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

303 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LƯỢNG**

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8V 203 bt Quyết định số: 705/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979

304 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8AA 522 bt Quyết định số: 118/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1981

305 Liệt sĩ: **LƯƠNG GIA CỐ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1949
Số bằng: XQ 2,289 bp Quyết định số: 257/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1959

306 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY HOÀNG**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SR 429 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

307 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẮC CHƠI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lãng Ngâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 2 năm 1952
Số bằng: XG 279 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

308 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỜ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BL 290 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 25 tháng 1 năm 1972

309 Liệt sĩ: **PHẠM CÁT TÁI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 9 năm 1950
Số bằng: XM 595 kp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1962

310 Liệt sĩ: **PHẠM CÁT TẮT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1951
Số bằng: MX 482 bp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1962

311 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐĂNG THIÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1969
Số bằng: SQ 641 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

312 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỆ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HD 592 bm Quyết định số: 3/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

313 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TOAN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1969

Số bằng: NA 241 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1974

314 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1968

Số bằng: HM 747 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1968

315 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐỨC CAO**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1972

Số bằng: NG 560 bm Quyết định số: 285/TTga ngày 4 tháng 6 năm 1974

316 Liệt sĩ: **VŨ QUANG DÝ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1971

Số bằng: PG 706 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

317 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THỦY**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1979

Số bằng: 9R 114 bm Quyết định số: 497/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

318 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍCH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1974

Số bằng: UY 292 bm Quyết định số: 243/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

319 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KHIÊM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 7 năm 1951

Số bằng: XG 306 kp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

320 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN QUÝ**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9D 307 bt Quyết định số: 844/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

321 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN MÃO**

Công an, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 2 năm 1949

Số bằng: XA 2,088 cp Quyết định số: 74/TTg ngày 21 tháng 3 năm 1960

322 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THÍCH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1967

Số bằng: DM 799 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1968

323 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG NĂNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1968
Số bằng: SY 309 bm Quyết định số: 541/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

324 Liệt sĩ: NGUYỄN TIỀN HIỀN

Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 2 năm 1952
Số bằng: XH 293 kp Quyết định số: 101/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1960

325 Liệt sĩ: LẠI TRỌNG CUNG

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1952
Số bằng: ĐE 619 kp Quyết định số: 22/TTg ngày 13 tháng 1 năm 1977

326 Liệt sĩ: NGUYỄN CÔNG XÊ

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: HL 131 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

327 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HUYNH

Tham mưu trưởng, Nguyên quán: xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1967
Số bằng: KM 678 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968

328 Liệt sĩ: TRẦN VĂN VÂN

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hải Hưng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1968
Số bằng: ED 545 bm Quyết định số: 122/TTg ngày 15 tháng 2 năm 2000

329 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LIÊM

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1953
Số bằng: XB 373 kp Quyết định số: 518/TTg ngày 2 tháng 12 năm 1958

330 Liệt sĩ: NGUYỄN SỸ LỚP

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ER 483 bm Quyết định số: 211/TTg ngày 2 tháng 6 năm 1973

331 Liệt sĩ: NGUYỄN KHOA KHANG

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1970
Số bằng: QB 764 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1975

332 Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN KHÁCH

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1952
Số bằng: XX 031 bp Quyết định số: 101/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1960

333 Liệt sĩ: ĐINH VĂN NGHĨA

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1973
Số bằng: LG 985 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1974

334 Liệt sĩ: **HÀ SỸ KHOÁNG**

Chánh văn phòng huyện, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: XY 384 cp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958

335 Liệt sĩ: **DƯƠNG DANH NHẬN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1968
Số bằng: SY 744 bm Quyết định số: 534/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

336 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THỤ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: MX 053 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

337 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHÂN LẠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1967
Số bằng: BM 617 bm Quyết định số: 154/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1967

338 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHÂN NGỌC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1968
Số bằng: HL 154 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

339 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ÍCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9D 165 bt Quyết định số: 836/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

340 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TÍN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1968
Số bằng: NM 119 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1969

341 Liệt sĩ: **DƯƠNG PHÚ CHIÊN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1969
Số bằng: NV 314 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1974

342 Liệt sĩ: **LẠI ĐẮC TRƯỜNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GQ 114 bm Quyết định số: 322/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1973

343 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 12 năm 1955
Số bằng: XQ 2,342 bp Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959

344 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN XUẤT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1968
Số bằng: AT 981 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

345 Liệt sĩ: **TẠ HỮU TIẾN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1973
Số bằng: SR 874 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

346 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1968
Số bằng: HG 124 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

347 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: HG 045 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

348 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1973
Số bằng: PI 494 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

349 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HL 960 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

350 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGUYỄN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 2 năm 1979
Số bằng: O 059 bt Quyết định số: 247/CTKT ngày 29 tháng 6 năm 1983

351 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC HOÀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1979
Số bằng: BC 967 bt Quyết định số: 180/CTKT ngày 25 tháng 6 năm 1986

352 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG PHÒNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: GH 192 kp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

353 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HƯƠNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1970
Số bảng: HG 369 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1973

354 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LƯƠNG**

Bính nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1965
Số bảng: NM 124 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1969

355 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỨC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1975
Số bảng: VA 759 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

356 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TÂM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bảng: SR 827 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

357 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG LỘC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1968
Số bảng: VE 154 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

358 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỸ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1968
Số bảng: HE 023 bm Quyết định số: 536/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1973

359 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TRÁI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1972
Số bảng: VB 277 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

360 Liệt sĩ: **MAI TIẾN CHĂM**

Chính trị viên phó đại đội, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1967
Số bảng: ĐG 076 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

361 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT TIẾN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1952
Số bảng: XX 049 kp Quyết định số: 101/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1960

362 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1968

Số bằng: AB 959 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1971

363 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MÔN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1954

Số bằng: XU 498 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

364 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VẠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1966

Số bằng: PX 551 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1966

365 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CHÈ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 1 năm 1951

Số bằng: XH 287 kp Quyết định số: 101/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

366 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HIẾN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 3 năm 1952

Số bằng: MX 044 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

367 Liệt sĩ: **VŨ THỌ CHU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1946

Số bằng: XX 016 bp Quyết định số: 101/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

368 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG TỌA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 11 năm 1946

Số bằng: AX 540 bp Quyết định số: 152/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1960

369 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN DƯỢC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1970

Số bằng: NK 914 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1974

370 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN MẬU**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 4 năm 1978

Số bằng: 7L 555 bt Quyết định số: 39/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1979

371 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN NĂM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1952

Số bằng: XU 509 kp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

372 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN BÙI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã

hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: HG 077 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

373 Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC NGHIỆP

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1966
Số bằng: EK 900 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1973

374 Liệt sĩ: NGUYỄN QUỐC HÒE

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 9 năm 1987
Số bằng: CG 054 bt Quyết định số: 106/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1989

375 Liệt sĩ: ĐOÀN PHÚ THƠ

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8R 485 bt Quyết định số: 584/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

376 Liệt sĩ: NGUYỄN TRỌNG LƯỢNG

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1970
Số bằng: ĐR 115 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

377 Liệt sĩ: ĐỖ CAO THẮNG

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AĐ 678 bm Quyết định số: 43/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

378 Liệt sĩ: VŨ SĨ PHÓNG

Bính nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1972
Số bằng: PG 832 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

379 Liệt sĩ: VŨ SĨ CHUY

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1973
Số bằng: VG 122 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 26 tháng 5 năm 2003

380 Liệt sĩ: HOÀNG ĐỨC BỘI

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BH 560 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

381 Liệt sĩ: NGUYỄN SĨ QUYÊN

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 4 năm 1951
Số bằng: GK 463 bp Quyết định số: 347/TTg ngày 7 tháng 4 năm 2004

382 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HANH

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CM 371 bm Quyết định số: 8/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1968

383 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ YẾN**

Quân nhân sản xuất, Nguyên quán: xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1966
Số bằng: ĐM 811 cm Quyết định số: 22/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1970

384 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY CUNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1950
Số bằng: XM 461 kp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

385 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY NGUYỄN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vân Dương, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9D 259 bm Quyết định số: 844/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

386 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1967
Số bằng: OG 944 bm Quyết định số: 644/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1974

387 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH ĐÀ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 3 năm 1950
Số bằng: DH 937 kp Quyết định số: 255/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1993

388 Liệt sĩ: **ĐỖ KHẮC LAN**

Dân công hòa tuyến, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1950
Số bằng: DX 482 cp Quyết định số: 841/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1995

389 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG KHẢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 6V 435 bt Quyết định số: 1203/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1978

390 Liệt sĩ: **LÊ ĐẮC THUẬN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1966
Số bằng: BS 001 bm Quyết định số: 82/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1972

391 Liệt sĩ: **LÊ ĐẮC HỢP**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1966
Số bằng: TA 392 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

392 Liệt sĩ: **CHU XUÂN THU**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: BN 438 bm Quyết định số: 82/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1972

393 Liệt sĩ: **CHU VĂN CHÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SY 516 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

394 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG QUYỀN**

Ủy viên BCH Nông dân cứu Quốc xã, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: XC 138 cp Quyết định số: 227/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1963

395 Liệt sĩ: **LÊ KIM SINH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1971
Số bằng: VA 226 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

396 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN XUYẾN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MK 676 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

397 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: XU 654 bp Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

398 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KHANG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1971
Số bằng: HL 108 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

399 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG THANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1969
Số bằng: VE 287 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

400 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG PHONG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1974
Số bằng: VP 878 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

401 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CẨM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 2 năm 1950
Số bằng: CZ 237 kp Quyết định số: 279/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1991

402 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG CHÍNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1972

Số bằng: HD 933 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

403 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN ĐỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1972

Số bằng: HD 507 bm Quyết định số: 562/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1973

404 Liệt sĩ: **LÊ ĐẮC KHANG**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 8 năm 1948

Số bằng: NX 963 bp Quyết định số: 144/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1963

405 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUYỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1966

Số bằng: BL 292 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 25 tháng 1 năm 1972

406 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1971

Số bằng: PL 803 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975

407 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1951

Số bằng: XM 498 bp Quyết định số: 98/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1959

408 Liệt sĩ: **ĐỖ DUY CHẤN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1966

Số bằng: PG 813 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

409 Liệt sĩ: **HOÀNG NHƯ BÀU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1952

Số bằng: XM 446 bp Quyết định số: 98/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1959

410 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÔNG**

Chính trị viên tiểu đoàn, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969

Số bằng: VB 168 bm Quyết định số: 229/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

411 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NẠP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc

Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9D 239 bt Quyết định số: 836/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

412 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1971
Số bằng: SR 829 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

413 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỰ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1966
Số bằng: AM 270 bm Quyết định số: 37/TTg ngày 21 tháng 2 năm 1967

414 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU BÔI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1971
Số bằng: SQ 521 bm Quyết định số: 525/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1976

415 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9D 158 bm Quyết định số: 836/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

416 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUỲNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MK 617 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

417 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN PHƯƠNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XU 380 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

418 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ ĐƯỜNG**

trưởng thôn, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 8 năm 1951
Số bằng: XC 082 cp Quyết định số: 144/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1963

419 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1969
Số bằng: QO 809 bm Quyết định số: 103/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1976

420 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÔNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 3N 766 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 13 tháng 2 năm 1978

421 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VP 854 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

422 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HUYỀN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1951
Số bằng: XN 233 kp Quyết định số: 144/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1963

423 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KIÊN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 11 năm 1950
Số bằng: XN 234 kp Quyết định số: 144/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1963

424 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT MAI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NE 548 bm Quyết định số: 257/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974

425 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUY**

Chủ tịch UBCH xã, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 2 năm 1954
Số bằng: XY 578 cp Quyết định số: 283/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1958

426 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU BÌNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1972
Số bằng: QS 505 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

427 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN KHANG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1975
Số bằng: VH 142 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

428 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯƠNG PHÚC**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: VD 207 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

429 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HOÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1966
Số bằng: AB 475 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1971

430 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN AN**

Trung đội trưởng, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HG 021 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

431 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỸ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XD 837 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958

432 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẤN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 9 năm 1952
Số bằng: DH 933 kp Quyết định số: 255/TTg ngày 27 tháng 5 năm 1993

433 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỊNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NE 655 bm Quyết định số: 257/CTKT ngày 23 tháng 5 năm 1974

434 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1969
Số bằng: QO 853 bm Quyết định số: 103/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1976

435 Liệt sĩ: **LƯU VĂN LIÊN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VS 607 bm Quyết định số: 320/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

436 Liệt sĩ: **LƯU QUANG VINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ER 557 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

437 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CHƯƠNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VG 111 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

438 Liệt sĩ: **KIỀU VĂN THUẬN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1974
Số bằng: VA 789 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

439 Liệt sĩ: **LƯU VĂN THỰC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1968
Số bằng: SQ 726 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

440 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN QUÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1966
Số bằng: VA 371 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

441 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CHUNG**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1972

Số bằng: GO 137 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

442 Liệt sĩ: **KIỀU VĂN TỌA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1966

Số bằng: ER 589 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

443 Liệt sĩ: **KIỀU MINH HOÀNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1972

Số bằng: NB 878 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1974

444 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1972

Số bằng: LG 762 bm Quyết định số: 452/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

445 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HÀ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 2 năm 1979

Số bằng: 9D 121 bt Quyết định số: 836/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

446 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NGỌC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 11 năm 1953

Số bằng: AX 476 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

447 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1970

Số bằng: VS 613 bm Quyết định số: 320/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

448 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NĂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972

Số bằng: GT 973 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

449 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH CHI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1952

Số bằng: ĐC 807 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

450 Liệt sĩ: **PHÙNG THẾ CHUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc

Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9D 067 bt Quyết định số: 800/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1979

451 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ TÍN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 10 năm 1949
Số bằng: NC 975 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

452 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH TỬU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 9 năm 1947
Số bằng: XC 907 kp Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959

453 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CỐN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1954
Số bằng: GH 276 bp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

454 Liệt sĩ: **NGUYỄN SĨ ĐẮC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1969
Số bằng: GS 671 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

455 Liệt sĩ: **PHÙNG BÁ TRAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1968
Số bằng: NM 135 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1969

456 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HS 633 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

457 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẢO**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1950
Số bằng: DH 935 kp Quyết định số: 225/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1993

458 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN HÒA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 6 năm 1954
Số bằng: XU 363 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

459 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỰ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1969
Số bằng: AB 646 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

460 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1967
Số bằng: VP 686 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

461 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GT 815 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

462 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THỜI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SQ 679 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

463 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1968
Số bằng: SY 595 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

464 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1968
Số bằng: SY 581 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

465 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẢO**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XN 228 km Quyết định số: 144/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1963

466 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ÁM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1971
Số bằng: ĐY 192 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1973

467 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ TẤN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1969
Số bằng: MZ 242 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971

468 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HIẾU**

Y tá, Nguyên quán: xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 1984
Số bằng: AI 285 btt Quyết định số: 345/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1984

469 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TÍNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1967
Số bằng: DM 874 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1968

470 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THỰC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9D 450 bt Quyết định số: 876/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1979

471 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC VỆ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1972
Số bằng: NV 463 bm Quyết định số: 507/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974

472 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỊNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QB 685 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1975

473 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG CÁT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1968
Số bằng: AB 037 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1971

474 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIAO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OG 288 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

475 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SÁ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1949
Số bằng: XU 642 bp Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

476 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẢ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 4 năm 1953
Số bằng: XU 639 bp Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

477 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH MẠCH**

Bí thư nông dân xã, Nguyên quán: xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 4 năm 1952
Số bằng: DH 984 cp Quyết định số: 225/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1993

478 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH ĐƯỢC**

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1967
Số bằng: NU 782 bm Quyết định số: 540/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1974

479 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẦN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1970
Số bằng: SQ 714 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

480 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THÌN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1985

Số bằng: BL 388 bt Quyết định số: 117/CTKT ngày 10 tháng 6 năm 1987

481 Liệt sĩ: **NGÔ PHÚ PHÀN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 8 năm 1978

Số bằng: 7Z 143 bt Quyết định số: 230/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1979

482 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ ĐƯỢC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1970

Số bằng: NE 542 bm Quyết định số: 257/TTg ngày 23 tháng 5 năm 1974

483 Liệt sĩ: **ĐÀO SĨ HIỆP**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972

Số bằng: NE 588 bm Quyết định số: 257/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974

484 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC TÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1966

Số bằng: RK 465 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976

485 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MẠNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1969

Số bằng: SY 699 bm Quyết định số: 534/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

486 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1973

Số bằng: 3H 878 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1978

487 Liệt sĩ: **KIỀU VĂN DÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 2 năm 1952

Số bằng: AX 482 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

488 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÀI TRẠC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hán Quảng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 2 năm 1951

Số bằng: XU 755 kp Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

489 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH CHƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9D 066 bt Quyết định số: 880/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1979

490 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGHĨA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 8V 233 bt Quyết định số: 714/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1979

491 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THẮT**

Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 3 năm 1953

Số bằng: XG 452 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

492 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1949

Số bằng: XT 334 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

493 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AN**

Cán bộ, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1951

Số bằng: XC 053 cp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957

494 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1951

Số bằng: AX 468 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

495 Liệt sĩ: **NGÔ MẠNH KÊ**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 2 năm 1978

Số bằng: 8E 671 bt Quyết định số: 346/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

496 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1953

Số bằng: XM 643 bp Quyết định số: 98/TTg ngày 2 tháng 3 năm 1959

497 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1967

Số bằng: HM 664 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1968

498 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHĨA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1973

Số bằng: OS 185 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1975

499 Liệt sĩ: **CHU VIỆT CHỈ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc

Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1970
Số bằng: GS 651 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

500 Liệt sĩ: NGÔ VĂN CHÍNH

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1972
Số bằng: VY 238 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

501 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THẮNG

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1967
Số bằng: AB 806 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

502 Liệt sĩ: ĐỖ VĂN HÙNG

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XU 362 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

503 Liệt sĩ: PHẠM VĂN PHÚC

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1969
Số bằng: HL 254 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

504 Liệt sĩ: PHẠM VĂN SU

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SY 908 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

505 Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1972
Số bằng: SY 295 bm Quyết định số: 541/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

506 Liệt sĩ: NGUYỄN KHẢI VƯỢNG

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: MX 101 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

507 Liệt sĩ: PHẠM QUẾ

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 12 năm 1950
Số bằng: ĐC 540 bp Quyết định số: 141/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1972

508 Liệt sĩ: CAO VĂN KÍNH

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 9 năm 1949

Số bằng: ET 100 bp Quyết định số: 1606/TTg ngày 24 tháng 12 năm 2001

509 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC KỶ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1967
Số bằng: SQ 944 bm Quyết định số: 524/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

510 Liệt sĩ: **HOÀNG MAI LĨNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1972
Số bằng: VE 134 bm Quyết định số: 253/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

511 Liệt sĩ: **CAO VĂN THÁI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: PL 916 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975

512 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH CHÍNH**

Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vạn An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1952

Số bằng: XD 800 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958

513 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỰ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1969
Số bằng: RL 838 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

514 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: RD 467 bm Quyết định số: 183/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

515 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH CHUYỀN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1969
Số bằng: HG 139 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

516 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐÌNH QUYỀN**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vạn An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1971

Số bằng: GS 788 bm Quyết định số: 501/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

517 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐOÀN THÚY**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 6 năm 1952

Số bằng: NX 971 bp Quyết định số: 144/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1963

518 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÚ**

Nhân viên y tế, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 9 năm 1952
Số bằng: XY 052 cp Quyết định số: 467/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1957

519 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỒNG THÁP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1966
Số bằng: AM 111 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1967

520 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN VINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1971
Số bằng: HL 216 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

521 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NV 440 bm Quyết định số: 507/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974

522 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1971
Số bằng: HG 203 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1973

523 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XD 795 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958

524 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ NGỌ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: OZ 044 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1975

525 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT BÁC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LG 709 bm Quyết định số: 452/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

526 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÒA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8R 417 bt Quyết định số: 584/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

527 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 6V 409 bt Quyết định số: 1203/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1978

528 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍCH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1971

Số bằng: UY 291 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

529 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1979

Số bằng: AM 543 bt Quyết định số: 80/CTKT ngày 6 tháng 3 năm 1985

530 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHIẾN ĐÁU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1974

Số bằng: PI 507 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

531 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN BẰNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1969

Số bằng: QB 269 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

532 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÔNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1971

Số bằng: ĐG 070 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

533 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠCH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1974

Số bằng: QB 630 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1975

534 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 4 năm 1947

Số bằng: XH 787 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

535 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1967

Số bằng: AD 565 bm Quyết định số: 43/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

536 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1967

Số bằng: HM 661 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1968

537 Liệt sĩ: **NGUYỄN DOÃN TIẾP**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1974

Số bằng: SR 891 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

538 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1951

Số bằng: XU 395 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

539 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY PHƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 2 năm 1979

Số bằng: 9D 290 bt Quyết định số: 844/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

540 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHÙNG**

Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 2 năm 1948

Số bằng: GA 181 cp Quyết định số: 1142/TTg ngày 29 tháng 11 năm 2002

541 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HÙNG**

Thượng sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1975

Số bằng: RB 741 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

542 Liệt sĩ: **LÊ SỸ ĐEN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1966

Số bằng: ET 669 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

543 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**

Y tá, Nguyên quán: Tổ 161 khối 49, khu Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1967

Số bằng: HM 097 cm Quyết định số: 37/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

544 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN MY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1968

Số bằng: MZ 228 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971

545 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HUÊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975

Số bằng: SR 466 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

546 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN VẠN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1968
Số bằng: PL 864 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975

547 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÙNG**

Hội đồng nông dân xã, Nguyên quán: xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 12 năm 1948
Số bằng: XC 015 cp Quyết định số: 94/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1963

548 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUANG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1969
Số bằng: SY 936 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

549 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ TUẤN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 3H 961 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1978

550 Liệt sĩ: **VŨ VĂN PHÁO**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 3N 749 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 13 tháng 2 năm 1978

551 Liệt sĩ: **CAO VĂN CHINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐY 239 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1973

552 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THỊNH**

Phó Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XB 532 cp Quyết định số: 95/TTg ngày 2 tháng 4 năm 1962

553 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÁ DOANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PY 459 bm Quyết định số: 422/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

554 Liệt sĩ: **LÊ DANH HOA**

Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1966
Số bằng: TA 394 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

555 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 3H 976 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1978

556 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH RỘNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1948

Số bằng: XG 145 km Quyết định số: 396/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959

557 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIỀN BÌNH**

Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1953

Số bằng: XB 917 kp Quyết định số: 130/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1959

558 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NHÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1970

Số bằng: QB 694 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1975

559 Liệt sĩ: **VƯƠNG HUY TÚC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1972

Số bằng: UY 428 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

560 Liệt sĩ: **LÊ DANH LÀN**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973

Số bằng: RB 751 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

561 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGA**

Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949

Số bằng: XB 353 cp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

562 Liệt sĩ: **CHU KHẮC TIẾN**

Chiến sĩ Công an nhân dân, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 11 năm 1995

Số bằng: ĐE 649 bt Quyết định số: 27/TTg ngày 13 tháng 1 năm 1997

563 Liệt sĩ: **VƯƠNG BÁ CHÍNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1967

Số bằng: AB 072 bm Quyết định số: 17/TTg ngày 20 tháng 1 năm 1971

564 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHI**

Trưởng ban tuyên truyền, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1949

Số bằng: YC 066 cp Quyết định số: 565/TTg ngày 6 tháng 8 năm 1979

565 Liệt sĩ: **LÊ QUANG LỰ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1968

Số bằng: TM 782 bm Quyết định số: 222/TTg ngày 11 tháng 12 năm 1969

566 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 2 năm 1953

Số bằng: XM 500 bp Quyết định số: 98/TTg ngày 2 tháng 3 năm 1959

567 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970

Số bằng: GA 208 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

568 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÚI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1971

Số bằng: HK 970 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973

569 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỰ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1971

Số bằng: QI 241 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 20 tháng 12 năm 1975

570 Liệt sĩ: **HOÀNG THẾ SOÁT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1966

Số bằng: GO 259 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

571 Liệt sĩ: **HOÀNG THẾ HÝ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1971

Số bằng: BK 235 bm Quyết định số: 33/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

572 Liệt sĩ: **ĐỖ DUY DIỆP**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968

Số bằng: TM 766 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

573 Liệt sĩ: **HOÀNG THỊ HẢO**

Công dân, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1954

Số bằng: XB 615 cp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

574 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TRỌNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1968

Số bằng: CM 608 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1969

575 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CHUÔNG**

Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc

Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GS 659 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

576 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CỤC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 2 năm 1953
Số bằng: XM 635 bp Quyết định số: 98/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1959

577 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1966
Số bằng: TA 396 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

578 Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH TUÊ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BB 082 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

579 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SĨ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1970
Số bằng: VA 308 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

580 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG HUY**

Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 7 năm 1951

Số bằng: XU 881 bp Quyết định số: 74/TTga ngày 21 tháng 3 năm 1960

581 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LỘ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1967
Số bằng: HD 658 bm Quyết định số: 3/TTg ngày 3 tháng 1 năm 1974

582 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TUỜNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1972
Số bằng: UY 506 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

583 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1972
Số bằng: HN 087 bm Quyết định số: 531/TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013

584 Liệt sĩ: **BIỆN XUÂN KHIÊN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1973
Số bằng: RL 959 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

585 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THUẦN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1969
Số bằng: SQ 723 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

586 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỜI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1971
Số bằng: BK 256 bm Quyết định số: 33/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

587 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1953
Số bằng: MX 009 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

588 Liệt sĩ: **VŨ TRỌNG LONG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1973
Số bằng: PY 535 bm Quyết định số: 422/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

589 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẢNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1952
Số bằng: MX 010 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

590 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1970
Số bằng: VH 109 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

591 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG THANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HL 193 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

592 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÂN**

Công an viên, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1950
Số bằng: XA 2,095 cp Quyết định số: 74/TTga ngày 24 tháng 3 năm 1960

593 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÂN**

Công an viên, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 7 năm 1953
Số bằng: XM 418 cp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

594 Liệt sĩ: **VŨ TỬ NGỢI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1969
Số bằng: ĐS 966 bm Quyết định số: 94/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

595 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐỘT**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1949

Số bằng: ĐN 361 kp Quyết định số: 995/TTg ngày 22 tháng 11 năm 1997

596 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯNG**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1968

Số bằng: AB 585 bm Quyết định số: 49/TTg ngày 25 tháng 2 năm 1971

597 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ BÔN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 4 năm 1978

Số bằng: 9Q 824 bt Quyết định số: 499/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

598 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ HIỀN**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 4 năm 1984

Số bằng: AI 293 bt Quyết định số: 345/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1984

599 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHIẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1973

Số bằng: LR 837 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1974

600 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÌNH**

Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1949

Số bằng: XG 594 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

601 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC UY**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1969

Số bằng: AT 859 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

602 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1950

Số bằng: OX 490 bp Quyết định số: 138/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1964

603 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1967

Số bằng: HM 703 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1968

604 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỰ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1972

Số bằng: PD 137 bm Quyết định số: 164/TTg ngày 9 tháng 5 năm 1975

605 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HUY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 10 năm 1951

Số bằng: MX 016 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

606 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỢC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1952

Số bằng: XT 531 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

607 Liệt sĩ: **CHU MINH CÔI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 8V 021 bt Quyết định số: 704/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979

608 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SƠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1972

Số bằng: KO 233 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1974

609 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÓN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 2 năm 1947

Số bằng: HC 105 kp Quyết định số: 851/TTg ngày 13 tháng 6 năm 2006

610 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƯỜNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Côi, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 2 năm 1952

Số bằng: XM 414 kp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

611 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẮT TRUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1973

Số bằng: QB 605 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1975

612 Liệt sĩ: **KHÚC ĐÌNH CƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1966

Số bằng: UO 846 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

613 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÁ LẬP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1967

Số bằng: VE 057 bm Quyết định số: 253/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

614 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC NGỌ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc

Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1970
Số bằng: VB 028 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

615 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH HANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1966
Số bằng: UL 892 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

616 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1969
Số bằng: BN 481 bm Quyết định số: 82/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1972

617 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HOA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 1 năm 1953
Số bằng: XB 936 bp Quyết định số: 559/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1957

618 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT TUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1981
Số bằng: 2AB 639 bt Quyết định số: 258/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

619 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ DŨNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UQ 747 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

620 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1970
Số bằng: PY 565 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

621 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VÊ (TUYÊN)**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1966
Số bằng: UY 525 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

622 Liệt sĩ: **PHẠM VIỆT KHÁNH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1967
Số bằng: VH 152 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

623 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG TÀNG**

Công dân, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 1 năm 1952
Số bằng: XB 618 cp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

624 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 2 năm 1947
Số bằng: XU 882 bp Quyết định số: 74/TTga ngày 21 tháng 3 năm 1960

625 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN CƯỜNG**

Trưởng thôn, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1951
Số bằng: GK 044 cp Quyết định số: 273/TTg ngày 18 tháng 3 năm 2004

626 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ĐỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1968
Số bằng: KB 065 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1973

627 Liệt sĩ: **PHÙNG QUANG THẠCH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1973
Số bằng: NU 705 bm Quyết định số: 535/TTg ngày 24 tháng 10 năm 1974

628 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HG 463 bm Quyết định số: 583/TTg ngày 24 tháng 12 năm 1973

629 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1969
Số bằng: SR 349 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

630 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỎ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XY 022 kp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957

631 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIÁ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1967
Số bằng: AT 660 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

632 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC ĐÁN**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 6 năm 1949
Số bằng: XH 064 kp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

633 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHÁP**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: MX 465 bp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1962

634 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ANH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1967
Số bằng: UQ 666 bm Quyết định số: 238/TTGa ngày 1 tháng 4 năm 1977

635 Liệt sĩ: **LƯU VĂN THÁI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: GS 823 bm Quyết định số: 501/TTGa ngày 15 tháng 11 năm 1973

636 Liệt sĩ: **VŨ VIỆT DIỄN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969
Số bằng: UQ 703 bm Quyết định số: 238/TTGa ngày 1 tháng 4 năm 1977

637 Liệt sĩ: **TRẦN SAN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1969
Số bằng: VA 180 bm Quyết định số: 299/TTGa ngày 15 tháng 4 năm 1977

638 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ƯỚT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 10 năm 1947
Số bằng: AX 875 bp Quyết định số: 171/TTGa ngày 6 tháng 8 năm 1960

639 Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH BẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1967
Số bằng: PZ 069 bm Quyết định số: 403/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1975

640 Liệt sĩ: **VƯƠNG VĂN DIÊM**

Công an xã, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 10 năm 1949
Số bằng: XA 1,811 cp Quyết định số: 424/TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1959

641 Liệt sĩ: **ĐỖ TRỌNG TUYẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1952
Số bằng: XT 618 bp Quyết định số: 424/TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1959

642 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG TỶ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ER 572 bm Quyết định số: 211/TTGa ngày 2 tháng 6 năm 1973

643 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DƯ**

Trung sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1968
Số bằng: UQ 732 bm Quyết định số: 238/TTGa ngày 1 tháng 4 năm 1977

644 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ BỒN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1971
Số bằng: BK 221 bm Quyết định số: 33/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

645 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT TRUNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XT 628 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

646 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÁI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HD 977 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

647 Liệt sĩ: **NGÔ ĐĂNG PHÀN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1968
Số bằng: HG 492 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

648 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÔI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1952
Số bằng: LX 978 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

649 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CẤP**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1970
Số bằng: G 230 bm Quyết định số: 84/CTKT ngày 2 tháng 3 năm 1983

650 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 3 năm 1950
Số bằng: XT 538 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

651 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG SÁU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1951
Số bằng: ĐT 496 bp Quyết định số: 854/TTg ngày 22 tháng 9 năm 1998

652 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH LỘC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MO 139 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1970

653 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ ĐIỀN**

Công nhân, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 4M 194 ct Quyết định số: 737/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1980

654 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ PHA**

Cán bộ bảo vệ, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972

Số bằng: KM 295 cm Quyết định số: 161/TTGa ngày 26 tháng 4 năm 1973

655 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1969

Số bằng: Đy 252 bm Quyết định số: 61/TTGa ngày 23 tháng 2 năm 1973

656 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ MƯỜI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1978

Số bằng: 7L 570 bm Quyết định số: 39/TTGa ngày 10 tháng 1 năm 1979

657 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1968

Số bằng: UA 999 bm Quyết định số: 211/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977

658 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN HÙNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1972

Số bằng: HD 526 bm Quyết định số: 562/TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1973

659 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1966

Số bằng: AB 500 bm Quyết định số: 49/TTGa ngày 25 tháng 2 năm 1971

660 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG HIỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1971

Số bằng: SR 386 bm Quyết định số: 539/TTGa ngày 30 tháng 11 năm 1976

661 Liệt sĩ: **NGÔ CHÊNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 10 năm 1951

Số bằng: XH 758 bp Quyết định số: 283/TTGa ngày 6 tháng 6 năm 1958

662 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT PHẬN**

Dân công, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1954

Số bằng: XC 168 cp Quyết định số: 138/TTGa ngày 14 tháng 10 năm 1964

663 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 2 năm 1954
Số bằng: XT 510 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

664 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1950
Số bằng: XH 823 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

665 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**

Trung sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1969
Số bằng: SY 205 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1976

666 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẬP**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1953
Số bằng: XG 632 kp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

667 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỘNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 5 năm 1948
Số bằng: XA 373 kp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

668 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SƠ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1967
Số bằng: ER 539 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

669 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG ƯỚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MK 761 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

670 Liệt sĩ: **CAO VĂN PHÁT**

Cán bộ, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 2I 076 cm Quyết định số: 100/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1978

671 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẠI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1969
Số bằng: SQ 765 bm Quyết định số: 547/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

672 Liệt sĩ: **MAI XUÂN THẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MK 724 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

673 Liệt sĩ: **MAI ĐẠT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1954

Số bằng: XT 529 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

674 Liệt sĩ: **PHẠM TÝ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 3 năm 1954

Số bằng: XG 636 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

675 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỪA ĐẠI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1969

Số bằng: AT 869 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

676 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1981

Số bằng: 8AA 495 bt Quyết định số: 118/CTKT ngày 14 tháng 12 năm 1981

677 Liệt sĩ: **DƯƠNG THỊ NHỎ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1954

Số bằng: XG 618 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

678 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOA**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1979

Số bằng: AI 554 bt Quyết định số: 347/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1984

679 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1968

Số bằng: TM 797 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

680 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ SẰNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1954

Số bằng: XG 627 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

681 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1954

Số bằng: XG 630 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

682 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ CHÁT**

Thư ký Ủy ban Kháng chiến Hành chính, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 5 năm 1948

Số bằng: XA 1,805 cp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

683 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÂM**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1971

Số bằng: UY 198 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1971

684 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH TRÁT**

Cán bộ tuyên huấn xã, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 6 năm 1950

Số bằng: XA 1,689 cp Quyết định số: 424/TTg ngày 12 tháng 1 năm 1959

685 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG CHÂN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1969

Số bằng: SY 518 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

686 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỤC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1974

Số bằng: SY 200 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

687 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẮC CHÉN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lãng Ngâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971

Số bằng: ĐH 661 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1972

688 Liệt sĩ: **CAO VĂN SỸ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1973

Số bằng: LO 590 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1974

689 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1967

Số bằng: PZ 061 bm Quyết định số: 403/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1975

690 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN KÈN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1969

Số bằng: ĐS 941 bm Quyết định số: 94/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

691 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CẦN**

Cán bộ Đội thanh niên, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1951

Số bằng: XC 175 cp Quyết định số: 138/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1964

IV. TỈNH THÁI BÌNH

- 1 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT SỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trọng Quân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1952
Số bằng: XC 939 bp Quyết định số: 134/TTg ngày 3 tháng 3 năm 1958
- 2 Liệt sĩ: **NHÂM VĂN RẬT**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Đông Hoàng, huyện Đông Quan, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1959
Số bằng: XC 189 km Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959
- 3 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HỨA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phong Châu, huyện Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1947
Số bằng: XL 607 kp Quyết định số: 377TTga ngày 22 tháng 9 năm 1961
- 4 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỪ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lô Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 12 năm 1952
Số bằng: HX 969 bp Quyết định số: 377/TTg ngày 22 tháng 9 năm 1961
- 5 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LÂU**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 05 năm 1970
Số bằng: ĐP 753 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 14 tháng 02 năm 1973
- 6 Liệt sĩ: **PHÙNG QUỐC BẢO**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1971
Số bằng: RV 371 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976
- 7 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH KIÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1969
Số bằng: QY 123 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1976
- 8 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: NX 263 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1963
- 9 Liệt sĩ: **DƯƠNG XUÂN ÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1975
Số bằng: QY 071 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1976

- 10 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN THƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 10 năm 1976
Số bằng: AL 376 bt Quyết định số: 345/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1984
- 11 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯƠNG CHÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1971
Số bằng: RE 757 bm Quyết định số: 186/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976
- 12 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1967
Số bằng: EK 439 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973
- 13 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1972
Số bằng: PB 272 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975
- 14 Liệt sĩ: **VŨ QUANG LỘC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: AK 059 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1971
- 15 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC LIÊM**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1947
Số bằng: BG 374 bp Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972
- 16 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THỪ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1971
Số bằng: UV 226 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 17 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN XỨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MF 279 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 18 Liệt sĩ: **BÙI THỂ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 7 năm 1950
Số bằng: 9H 581 bp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969
- 19 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGUYỄN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1967

Số bằng: HQ 724 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977

- 20 Liệt sĩ: **TÔ VĂN CÁN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1971
Số bằng: LG 018 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974
- 21 Liệt sĩ: **PHẠM TRỌNG TUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GA 101 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973
- 22 Liệt sĩ: **TẠ NHU**
Thôn đội Trưởng, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: XN 002 kp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963
- 23 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHUYỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1970
Số bằng: EO 641 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973
- 24 Liệt sĩ: **TÓNG ĐÌNH HÒA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 2S 1,478 bm Quyết định số: 1288/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977
- 25 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC TUẤN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thanh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1954
Số bằng: XM 431 bm Quyết định số: 36/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 26 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG THẮNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MF 307 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 27 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1969
Số bằng: RN 741 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976
- 28 Liệt sĩ: **VŨ THẾ VIỆT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1969
Số bằng: QH 202 bm Quyết định số: 483/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1975
- 29 Liệt sĩ: **TRIỆU QUỐC ĐẠM**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
Số bằng: MH 548 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1970

- 30 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIÊN MẢN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1966
Số bằng: AK 103 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1971
- 31 Liệt sĩ: **KHÚC VĂN LĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1972
Số bằng: RN 683 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976
- 32 Liệt sĩ: **LƯƠNG THỊ LÀNH**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1950
Số bằng: ED 252 cp Quyết định số: 803/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 1999
- 33 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HQ 385 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1973
- 34 Liệt sĩ: **VŨ VĂN ĐÔI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐA 609 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1972
- 35 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG DUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HQ 108 bm Quyết định số: 437/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1973
- 36 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: YL 621 bm Quyết định số: 436/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977
- 37 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐỨC TOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
Số bằng: OE 164 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1974
- 38 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1971
Số bằng: RV 484 bm Quyết định số: 327/TTg ngày 20 tháng 7 năm 1976

- 39 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRỌNG TRÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ĐG 477 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972
- 40 **Liệt sĩ: NGÔ TÝ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 10 năm 1950
Số bằng: AC 516 kp Quyết định số: 65/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 1999
- 41 **Liệt sĩ: PHAN VĂN BẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EL 024 bm Quyết định số: 134/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1974
- 42 **Liệt sĩ: PHAN THỊ HẰNG**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: bm 288 cm Quyết định số: 181/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1967
- 43 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN CHỦ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1964
Số bằng: NU 522 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1974
- 44 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN TÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1969
Số bằng: AV 117 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971
- 45 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN HÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EO 748 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973
- 46 **Liệt sĩ: PHẠM THẾ HỆ**
Bí Thư Nông hội xã, Nguyên quán: xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XB 932 cp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1963
- 47 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN NHĨ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969
Số bằng: QY 167 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976
- 48 **Liệt sĩ: VŨ VĂN SỬ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương,

tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1970
Số bằng: ĐP 747 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972

49 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: ĐC 570 bp Quyết định số: 141/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1972

50 Liệt sĩ: **PHẠM PHÚ QUÝ**

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MH 233 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

51 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC SÚY**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1981
Số bằng: F 406 bt Quyết định số: 39/CTKT ngày 2 tháng 2 năm 1983

52 Liệt sĩ: **VŨ DUY TRUYỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1970
Số bằng: DP 751 bm Quyết định số: 88/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1973

53 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HÙNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 2G 552 bm Quyết định số: 1665/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977

54 Liệt sĩ: **NGÔ TẤT DY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1969
Số bằng: ĐP 696 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 4 tháng 2 năm 1973

55 Liệt sĩ: **VŨ CAO QUÝ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1968
Số bằng: UV 233 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

56 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN THẮT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1974
Số bằng: RB 985 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

57 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÍCH**

Trung đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1953
Số bằng: AC 533 bp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

- 58 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHIẾN**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 9X 894 bm Quyết định số: 678/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1980
- 59 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUỐC HUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GC 085 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973
- 60 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1972
Số bằng: RV 584 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976
- 61 **Liệt sĩ: PHẠM HỒNG HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AP 991 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1971
- 62 **Liệt sĩ: NGUYỄN TÂY**
Thôn đội phó, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1949
Số bằng: XM 975 kp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963
- 63 **Liệt sĩ: PHẠM ĐĂNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 1 năm 1953
Số bằng: NX 282 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1969
- 64 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUANG SẢO**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UV 177 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 65 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN MỘC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1967
Số bằng: KB 966 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976
- 66 **Liệt sĩ: TRẦN LƯƠNG THIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NG 149 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974
- 67 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 9 năm 1949
Số bằng: XY 775 bp Quyết định số: 92/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1958

68 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊNG**

Uy viên Ban Chấp hành Hội nông dân cứu quốc, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 10 năm 1951

Số bằng: ED 255 cp Quyết định số: 803/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 1999

69 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHUÔNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972

Số bằng: NG 150 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

70 Liệt sĩ: **ĐÀO QUỠ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1952

Số bằng: NX 227 bp Quyết định số: 73/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

71 Liệt sĩ: **PHẠM KHOÁI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1954

Số bằng: XM 977 km Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

72 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG ÚY**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1971

Số bằng: 2S 251 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

73 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 10 năm 1951

Số bằng: AC 536 bp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

74 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 6 năm 1954

Số bằng: AE 536 bp Quyết định số: 335/TTg ngày 4 tháng 2 năm 1956

75 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐỘ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1974

Số bằng: PB 271 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975

76 Liệt sĩ: **CHU VĂN NHỎ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1971

Số bằng: BA 489 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1971

- 77 Liệt sĩ: **ĐINH THẾ SỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UV 184 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 78 Liệt sĩ: **PHẠM KHOÁI**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1951
Số bằng: NX 307 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963
- 79 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÌM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: EV 677 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1973
- 80 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LUYỆN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 8 năm 1950
Số bằng: AC 374 kp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969
- 81 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN CHIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LR 225 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1974
- 82 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN BẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1971
Số bằng: LR 587 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1974
- 83 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN NHƯÔNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1971
Số bằng: OR 782 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975
- 84 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ĐP 798 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973
- 85 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC HỮU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CE 092 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 86 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TRẬT**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1951
Số bằng: XK 271 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 32 tháng 2 năm 1963

87 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỊNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1970
Số bằng: ĐL 818 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972

88 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THAO**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: LG 079 bm Quyết định số: 60/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1974

89 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH TƯ**

Chủ nhiệm hậu cần Trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: EV 859 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1973

90 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN OANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1971
Số bằng: bp 608 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1972

91 Liệt sĩ: **VŨ THANH BA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1969
Số bằng: HQ 076 bm Quyết định số: 437/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1973

92 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ AN**

Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1951
Số bằng: ĐC 154 cp Quyết định số: 550/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1969

93 Liệt sĩ: **VŨ VĂN ĐƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1955
Số bằng: NX 312 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1976

94 Liệt sĩ: **VŨ MẠNH TƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ĐL 801 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972

95 Liệt sĩ: **VŨ VĂN MÃO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1971

Số bằng: EL 151 bm Quyết định số: 145/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

- 96 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1949
Số bằng: NX 322 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963
- 97 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHỈ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1965
Số bằng: AQ 833 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971
- 98 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC TRUYỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1974
Số bằng: RN 733 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976
- 99 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: ĐC 573 bp Quyết định số: 141/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1972
- 100 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN Y**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1969
Số bằng: RN 688 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976
- 101 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÚT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1969
Số bằng: ES 370 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1973
- 102 Liệt sĩ: **NGUYỄN MỄ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐA 743 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1972
- 103 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN RUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1969
Số bằng: QY 105 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1976
- 104 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN DŨNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 1 năm 1950
Số bằng: XY 781 kp Quyết định số: 092/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1958
- 105 Liệt sĩ: **CAO VĂN TRÌ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1953
Số bằng: AC 845 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

106 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIÊN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: XY 340 kp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

107 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MIỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1970
Số bằng: OS 915 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

108 Liệt sĩ: **PHAN VĂN YẾT**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1949
Số bằng: XC 303 kp Quyết định số: 176/TTg ngày 5 tháng 4 năm 1959

109 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TOÀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1972
Số bằng: BG 458 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

110 Liệt sĩ: **BÙI HỮU THO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AK 232 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1971

111 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MIỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1968
Số bằng: OS 915 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1975

112 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM HỘ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: OL 043 bm Quyết định số: 631/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1974

113 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1950
Số bằng: AC 723 kp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

114 Liệt sĩ: **PHAN THẾ HIỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 6X 366 bt Quyết định số: 1212/TTga ngày 23 tháng 12 năm 1978

- 115 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC TÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1968
Số bằng: CG 052 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1972
- 116 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHỨNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1968
Số bằng: PB 304 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1975
- 117 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THÁP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MĐ 1,116bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970
- 118 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1967
Số bằng: UV 160 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 119 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN LẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1954
Số bằng: XH 438 bm Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958
- 120 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÚY**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1969
Số bằng: LA 321 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1974
- 121 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1954
Số bằng: EC 643 bp Quyết định số: 360/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972
- 122 Liệt sĩ: **HOÀNG RI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 1 năm 1953
Số bằng: EC 644 bp Quyết định số: 360/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972
- 123 Liệt sĩ: **TRẦN HỘI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: XH 397 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958
- 124 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỈNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 10 năm 1953
Số bằng: AC 9,882 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

125 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÝ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 2G 532 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1977

126 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC TẤN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 9 năm 1952
Số bằng: XM 845 bp Quyết định số: 098/TTg ngày 3 tháng 2 năm 1959

127 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YẾN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1970
Số bằng: EV 589 bm Quyết định số: 242/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1973

128 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN KÍNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1969
Số bằng: PB 296 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975

129 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÀI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 8 năm 1952
Số bằng: XQ 4,697 bp Quyết định số: 353/TTg ngày 10 tháng 1 năm 1959

130 Liệt sĩ: **ĐẶNG MÃO**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: YZ 722 kp Quyết định số: 171/TTg ngày 3 tháng 4 năm 1957

131 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG QUYNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XH 496 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

132 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÁC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1951
Số bằng: AC 945 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

133 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KHÁNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QP 155 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

- 134 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UV 248 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 135 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1970
Số bằng: UV 223 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 136 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CAO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1970
Số bằng: UV 336 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 137 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VON**
Trung đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 9H 513 bt Quyết định số: 22/TTga ngày 1 tháng 5 năm 1980
- 138 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HK 070 bm Quyết định số: 40/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1973
- 139 Liệt sĩ: **PHẠM TRINH**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 3 năm 1950
Số bằng: YZ 732 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 140 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HOÀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 4 năm 1954
Số bằng: QC 571 bp Quyết định số: 117/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 141 Liệt sĩ: **BÙI QUANG THÍCH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1970
Số bằng: GB 688 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1970
- 142 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1971
Số bằng: NV 108 bm Quyết định số: 441/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1974
- 143 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGÂN**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1969

Số bằng: ĐP 785 bm Quyết định số: 38/TTGa ngày 14 tháng 2 năm 1973

144 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC CHUYỀN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972

Số bằng: 2G 618 bm Quyết định số: 1665/TTGa ngày 12 tháng 7 năm 1977

145 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH NHU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1970

Số bằng: BG 483 bm Quyết định số: 15/TTGa ngày 6 tháng 1 năm 1972

146 Liệt sĩ: **LÊ THANH XUÂN**

Cán bộ Công an, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1956

Số bằng: CV 325 cm Quyết định số: 171/CTKT ngày 1 tháng 7 năm 1991

147 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỒNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1951

Số bằng: XC 288 kp Quyết định số: 176/TTg ngày 5 tháng 4 năm 1959

148 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN LƯƠNG**

Y tá, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1970

Số bằng: RV 449 cm Quyết định số: 327/TTGa ngày 20 tháng 7 năm 1976

149 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN NGUYỄN**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968

Số bằng: bp 901 bm Quyết định số: 87/TTGa ngày 3 tháng 10 năm 1973

150 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HUỆ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 7 năm 1953

Số bằng: AC 819 kp Quyết định số: 20/TTGa ngày 19 tháng 1 năm 1973

151 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH KÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1948

Số bằng: XC 886 bp Quyết định số: 134/TTg ngày 3 tháng 3 năm 1958

152 Liệt sĩ: **ĐINH HỒNG TƠ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1971

Số bằng: ĐP 874 bm Quyết định số: 11/TTGa ngày 16 tháng 1 năm 1973

153 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NGHỊ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1970
Số bằng: UV 293 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

154 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHIẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EV 709 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1973

155 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VIỆT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1969
Số bằng: NK 326 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

156 Liệt sĩ: **LÊ VĂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: AC 877 bp Quyết định số: 20/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1970

157 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NHỎ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 5S 215 bm Quyết định số: 749/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1978

158 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HỘI (HỘI)**

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1974
Số bằng: RN 675 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

159 Liệt sĩ: **ĐINH MIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1952
Số bằng: AC 896 bp Quyết định số: 212/TTg ngày 3 tháng 2 năm 1959

160 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THỨC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1967
Số bằng: EK 517 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

161 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC VĂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 3H 688 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1978

162 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HƯNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1974
Số bằng: PV 469 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

- 163 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN HOAN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1950
Số bằng: AC 181 kp Quyết định số: 20/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1970
- 164 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1970
Số bằng: PN 498 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975
- 165 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CHÀN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1965
Số bằng: AQ 301 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 5 tháng 8 năm 1971
- 166 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1975
Số bằng: GP 144 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976
- 167 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH THẨM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 6 năm 1950
Số bằng: XA 594 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1958
- 168 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1970
Số bằng: EV 694 bm Quyết định số: 463/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1972
- 169 Liệt sĩ: **LÊ NHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1952
Số bằng: AC 917 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969
- 170 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN SĨ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1957
Số bằng: AC 816 km Quyết định số: 189/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1970
- 171 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN PHƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐB 015 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1972
- 172 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUỐC KHÁNH**

Trợ lý tuyên huấn Trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1972

Số bằng: HK 012 bm Quyết định số: 402/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1973

173 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC UYÊN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969

Số bằng: BT 405 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1972

174 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ BÊ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1973

Số bằng: KD 113 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 30 tháng 10 năm 1973

175 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGỌC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1969

Số bằng: RV 589 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

176 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGHINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1954

Số bằng: AC 914 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

177 Liệt sĩ: **TÔ NHẬT THANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1971

Số bằng: RN 711 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

178 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHUYÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 4 năm 1979

Số bằng: 9H 224 bt Quyết định số: 38/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1980

179 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1966

Số bằng: CG 118 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1973

180 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGA**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1969

Số bằng: bp 892 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1972

181 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN DƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 1 năm 1950

Số bằng: XC 868 bp Quyết định số: 134/TTg ngày 3 tháng 3 năm 1958

182 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CHIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1951

Số bằng: AC 837 bp Quyết định số: 189/TTga ngày 1 tháng 5 năm 1969

183 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH XUYỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1968

Số bằng: CV 184 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972

184 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN UYÊN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1969

Số bằng: UV 174 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

185 Liệt sĩ: **TRẦN MẠNH CHÍ**

Cán Bộ Thông tin thôn, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 1 năm 1950

Số bằng: AC 930 cp Quyết định số: 509/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1974

186 Liệt sĩ: **VŨ YÊN QUÝ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1967

Số bằng: MĐ 500 bm Quyết định số: 940/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

187 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC RỠ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1966

Số bằng: EN 705 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1973

188 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN PHÚ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1969

Số bằng: CH 442 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1972

189 Liệt sĩ: **BÙI CAO KHẢI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1967

Số bằng: LA 299 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1974

190 Liệt sĩ: **BÙI QUANG TUẤN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1969

Số bằng: RV 486 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

191 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN PHƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 6 năm 1952
Số bằng: AC 862 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

192 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG THẮNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 10 năm 1953
Số bằng: AC 911 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

193 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TƯ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: HC 783 bp Quyết định số: 208/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

194 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC TỪU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1972
Số bằng: EQ 190 bm Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

195 Liệt sĩ: **HÀ BẮC ĐẦU**

Cán Bộ Cục Quản lý đường bộ - Bộ Giao Thông, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1969
Số bằng: CM 953 cm Quyết định số: 189/TTga ngày 1 tháng 5 năm 1969

196 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG CHIẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1974
Số bằng: RV 568 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

197 Liệt sĩ: **BÙI QUANG HẢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 7 năm 1976
Số bằng: RV 359 bt Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

198 Liệt sĩ: **BÙI QUỐC BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1954
Số bằng: AC 933 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1969

199 Liệt sĩ: **VŨ CÔNG HƯU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MK 278 bm Quyết định số: 198/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

200 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHƯƠNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1949
Số bằng: XA 442 kp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

- 201 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH KIÊNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HK 090 bm Quyết định số: 402/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1973
- 202 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: XY 232 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 203 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: SG 640 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976
- 204 Liệt sĩ: **NGÔ ĐỨC BÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1951
Số bằng: KC 324 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973
- 205 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC NINH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: YZ 911 kp Quyết định số: 311/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 206 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: HC 835 bp Quyết định số: 208/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1972
- 207 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1965
Số bằng: OM 516 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1969
- 208 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC CHỨC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 12 năm 1972
Số bằng: PV 382 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1975
- 209 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969
Số bằng: RN 749 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 01 tháng 7 năm 1972
- 210 Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU KHUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AK 356 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

211 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG LỊCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 7 năm 1969
Số bằng: PN 777 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

212 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC BẾ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: RN 747 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

213 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG HÀI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1969
Số bằng: RN 761 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

214 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THẬN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1951
Số bằng: KC 208 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

215 Liệt sĩ: **TẠ VĂN ĐƯỢC**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 11 năm 1951
Số bằng: KC 297 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

216 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN BẢN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 02 năm 1950
Số bằng: BC 177 bp Quyết định số: 223/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1970

217 Liệt sĩ: **DƯƠNG DUY TAY**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 7 năm 1952
Số bằng: KC 287 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

218 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHÁO**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: BC 722 kp Quyết định số: 65/TTga ngày 24 tháng 02 năm 1973

219 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC HÒI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1972

Số bằng: LR 349 bm Quyết định số: 24/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1974

- 220 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1976
Số bằng: SG 682 bt Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976
- 221 Liệt sĩ: **ĐẶNG MẠNH CHUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1966
Số bằng: PN 543 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1975
- 222 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1966
Số bằng: CL 755 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1973
- 223 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN HỮU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 7 năm 1967
Số bằng: AK 027 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971
- 224 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT MÔNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1943
Số bằng: PQ 693 bp Quyết định số: 29/TTga ngày 29 tháng 01 năm 1976
- 225 Liệt sĩ: **ĐÀO CÔNG MINH**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: ZQ 264 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 226 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN KÍNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: KC 354 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973
- 227 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN TỤY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 6 năm 1954
Số bằng: ZQ 2,659 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 228 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1967
Số bằng: MV 532 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 01 tháng 02 năm 1971
- 229 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN YÊN**

- Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: AQ 680 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971
- 230 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1966
Số bằng: RN 778 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976
- 231 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC MẠNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1967
Số bằng: AK 108 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971
- 232 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC DẬU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AT 171 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1971
- 233 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NHẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1969
Số bằng: MR 356 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1970
- 234 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969
Số bằng: bp 707 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1972
- 235 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT THẮNG**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1968
Số bằng: EM 909 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1970
- 236 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG GIANG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LE 508 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974
- 237 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NGO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AQ 311 bm Quyết định số: 101/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1971
- 238 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CỘNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ò 197 bm Quyết định số: 597/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974

- 239 **Liệt sĩ: TRẦN ĐĂNG TÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1975
Số bằng: ZG 712 bm Quyết định số: 1664/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1977
- 240 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐĂNG TRI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1968
Số bằng: RN 821 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976
- 241 **Liệt sĩ: PHẠM TIẾN CHINH**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MH 531 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 01 tháng 5 năm 1970
- 242 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1969
Số bằng: RN 771 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976
- 243 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU QUYẾT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AV 036 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971
- 244 **Liệt sĩ: BÙI VĂN QUẾ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 02 năm 1960
Số bằng: RV 855 bm Quyết định số: 484TTga ngày 16 tháng 12 năm 1975
- 245 **Liệt sĩ: NGUYỄN TIẾN NHƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1970
Số bằng: OL 767 bm Quyết định số: 04/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1975
- 246 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH TUẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BG 459 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 06 tháng 01 năm 1972
- 247 **Liệt sĩ: NGUYỄN VIỆT LUYỆN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1969
Số bằng: EQ 600 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973
- 248 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MẠC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1950

Số bằng: YZ 329 kp Quyết định số: 1191/TTg ngày 22 tháng 12 năm 1956

249 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CHUY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1966

Số bằng: IM 789 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968

250 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGƯƠNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968

Số bằng: AQ 810 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971

251 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIỆT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1969

Số bằng: AV 146 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

252 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1968

Số bằng: CG 397 bm Quyết định số: 235/TTga ngày 01 tháng 10 năm 1971

253 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 9 năm 1972

Số bằng: OR 916 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

254 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 11 năm 1969

Số bằng: PG 494 bm Quyết định số: 248/TTga ngày 01 tháng 7 năm 1975

255 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC NGƯ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1968

Số bằng: RV 359 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

256 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1967

Số bằng: KP 127 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1973

257 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUYNH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1972

Số bằng: HQ 304 bm Quyết định số: 1437/CTKT ngày 13 tháng 8 năm 1985

- 258 **Liệt sĩ: NGUYỄN MINH NGHĨA**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 11 năm 1973
 Số bằng: PU 204 bm Quyết định số: 376T/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975
- 259 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUANG NGHIÊM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: HK 029 bm Quyết định số: 402/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1973
- 260 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRỌNG TÍCH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1954
 Số bằng: KC 399 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973
- 261 **Liệt sĩ: ĐÀO TRỌNG LẬP**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1973
 Số bằng: LR 360 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1974
- 262 **Liệt sĩ: DƯƠNG CÔNG HƯỜNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 3 năm 1964
 Số bằng: PV 817 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1975
- 263 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐIỆP**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 3 năm 1965
 Số bằng: PV 810 bm Quyết định số: 484TTga ngày 16 tháng 12 năm 1975
- 264 **Liệt sĩ: NGUYỄN MINH THAO**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 02 năm 1969
 Số bằng: AQ 307 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1971
- 265 **Liệt sĩ: ĐÀO TRỌNG ĐỈNH**
 Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 10 năm 1951
 Số bằng: AC 762 kp Quyết định số: 223/Ttga ngày 22 tháng 9 năm 1970
- 266 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THUẬT**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1972
 Số bằng: LE 528 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1973
- 267 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN CHIÊM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1966

- Số bằng: DL 568 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972
- 268 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT TIỀN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1946
Số bằng: LC 320 bp Quyết định số: 534/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1973
- 269 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY LẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Bào, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: QS 572 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976
- 270 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU ĐẮN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PV 692 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975
- 271 Liệt sĩ: **HOÀ QUANG HIỀU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 4 năm 1976
Số bằng: EQ 626 bt Quyết định số: 175/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973
- 272 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ML 218 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1970
- 273 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT NĂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1969
Số bằng: SG 702 bm Quyết định số: 491/Ttga ngày 06 tháng 11 năm 1976
- 274 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN KHAM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 5 năm 1973
Số bằng: OL 366 bm Quyết định số: 631/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1974
- 275 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LƯ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 02 năm 1969
Số bằng: AV 050 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971
- 276 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ROAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 6 năm 1997
Số bằng: ĐS 998 bt Quyết định số: 629/TTGa ngày 18 tháng 7 năm 1998

- 277 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LỘC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1966
Số bằng: AK 057 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971
- 278 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH THỌ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1968
Số bằng: AQ 860 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971
- 279 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIỆN NGỪNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1973
Số bằng: HO 469 bm Quyết định số: 448/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973
- 280 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TRÌNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EL 731 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1975
- 281 Liệt sĩ: **DƯƠNG TIẾN LỘNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AQ 334 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1971
- 282 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC BA**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1970
Số bằng: AU 512 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971
- 283 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC ĐẠI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 8 năm 1951
Số bằng: KC 392 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973
- 284 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1952
Số bằng: ZQ 2,661 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 285 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THẦN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MD 394 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970
- 286 Liệt sĩ: **NGỌ HỒ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 6 năm 1954

Số bằng: XC 035 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959

- 287 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SIÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 8 năm 1950
Số bằng: MX 954 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 01 năm 1962
- 288 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU LÂU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 4 năm 1952
Số bằng: XA 575 kp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958
- 289 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG Ỡ**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 9 năm 1953
Số bằng: XA 603 kp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 290 Liệt sĩ: **MAI CÔNG TUỠ**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 10 năm 1952
Số bằng: BC 817 bp Quyết định số: 195/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1970
- 291 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY NUÔI**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1970
Số bằng: SG 744 bm Quyết định số: 491/Ttga ngày 06 tháng 11 năm 1976
- 292 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH KHIẾU**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 8 năm 1974
Số bằng: SQ 298 bm Quyết định số: 485/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976
- 293 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY THAM**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7A 025 bt Quyết định số: 1292/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1978
- 294 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY MỠ**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969
Số bằng: SQ 255 bm Quyết định số: 485/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976
- 295 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC LÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1966
Số bằng: BH 999 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 29 tháng 02 năm 1972
- 296 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GJ 230 bm Quyết định số: 341/TTga ngày 09 tháng 8 năm 1973

297 Liệt sĩ: **BÙI HỮU GIẢNG**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1967
Số bằng: AN 197 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1967

298 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG MỠI**

Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1950
Số bằng: DZ 044 kp Quyết định số: 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 1999

299 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THANH**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8M 280 bt Quyết định số: 461/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

300 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THANH**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AK 430 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

301 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC NINH**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 3H 143 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

302 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG NIÊM**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1970
Số bằng: 9A 742 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

303 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUYÊN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: SQ 416 bm Quyết định số: 485/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

304 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHINH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1974
Số bằng: EO 622 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

305 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TÓN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1966
Số bằng: BH 991 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 29 tháng 02 năm 1972

- 306 **Liệt sĩ: TRẦN KHẮC NAM**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 5 năm 1976
 Số bằng: SG 700 bt Quyết định số: 491/TTg ngày 06 tháng 11 năm 1967
- 307 **Liệt sĩ: NGUYỄN DOÃN LỢI**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1970
 Số bằng: CV 154 bm Quyết định số: 359/TTg ngày 26 tháng 8 năm 1972
- 308 **Liệt sĩ: NGUYỄN DUY BẰNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1970
 Số bằng: ĐL 539 bm Quyết định số: 455/TTg ngày 04 tháng 11 năm 1972
- 309 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN QUẢNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: LR 423 bm Quyết định số: 241/TTg ngày 16 tháng 5 năm 1974
- 310 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TƯ**
 Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1967
 Số bằng: MK 321 bm Quyết định số: 158/TTg ngày 25 tháng 6 năm 1970
- 311 **Liệt sĩ: TRẦN CÔNG NINH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: SG 734 bm Quyết định số: 491/TTg ngày 06 tháng 11 năm 1976
- 312 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH ỦY**
 Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 02 năm 1978
 Số bằng: 8M 194 bt Quyết định số: 461/TTg ngày 25 tháng 6 năm 1979
- 313 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH TIÊN**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 01 năm 1979
 Số bằng: 2A 424 bt Quyết định số: 07/CTKT ngày 09 tháng 11 năm 1981
- 314 **Liệt sĩ: HOÀNG THANH SƠN**
 Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 10 năm 1986
 Số bằng: CA 772 bt Quyết định số: 171/CTKT ngày 27 tháng 7 năm 1988
- 315 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHIỆT**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 02 năm 1952
Số bằng: XA 583 kp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958

316 Liệt sĩ: **VŨ TIẾN ĐẠI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PV 031 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

317 Liệt sĩ: **TRẦN KHẮC VÔ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1952
Số bằng: ZQ 2,169 kp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

318 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG LA**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1966
Số bằng: SP 346 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

319 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EO 688 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973

320 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG NUÔI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9B 114 bt Quyết định số: 800/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1979

321 Liệt sĩ: **PHẠM QUÝ RUYỀN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 9B 026 bt Quyết định số: 778/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1979

322 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU KIÊN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 02 năm 1950
Số bằng: XK 910 kp Quyết định số: 53/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1961

323 Liệt sĩ: **NGUYỄN SINH THI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1965
Số bằng: MF 317 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

324 Liệt sĩ: **HOÀNG PHÓ LUẬN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: DL 684 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1972

- 325 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN TRỌNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: AP 955 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971
- 326 **Liệt sĩ: VŨ VĂN TRỌNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: RV 342 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976
- 327 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BÂN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1970
 Số bằng: CH 378 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972
- 328 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHUYẾN**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: SP 401 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 329 **Liệt sĩ: VŨ TIẾN THOÁT**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1969
 Số bằng: HQ 433 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1973
- 330 **Liệt sĩ: BÙI VĂN SÓ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 7 năm 1978
 Số bằng: 7Z 605 bt Quyết định số: 234/TTga ngày 04 tháng 4 năm 1979
- 331 **Liệt sĩ: BÙI GIA RIỄN**
 Cán bộ bình dân học vụ, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 6 năm 1951
 Số bằng: AC 666 cp Quyết định số: 195/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970
- 332 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN NGHĨA**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 5 năm 1975
 Số bằng: QP 656 bt Quyết định số: 29/TTga ngày 29 tháng 01 năm 1976
- 333 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN BẮC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1954
 Số bằng: XL 663 bp Quyết định số: 483 TTg ngày 3 tháng 11 năm 1958
- 334 **Liệt sĩ: UÔNG TINH HỮU**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Dục, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1954

Số bằng: XM 837 kp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

335 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÀM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Quý, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1973

Số bằng: RE 880 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

336 Liệt sĩ: **VŨ TIẾN ĐỒNG**

Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 01 năm 1978

Số bằng: 7A 059 bt Quyết định số: 1392/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1978

337 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HOE**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 01 năm 1976

Số bằng: QM 459 bt Quyết định số: 197/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

338 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN THIỆP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1967

Số bằng: LE 529 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

339 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHIẾN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1971

Số bằng: EV 881 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1973

340 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG MÊN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1973

Số bằng: RV 275 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

341 Liệt sĩ: **ĐÀO PHÚ HẢI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1972

Số bằng: PV 038 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

342 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CỬ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1968

Số bằng: MR 312 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1970

343 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RỸ**

Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 9 năm 1950

Số bằng: XY 212 kp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

344 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TUYNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1970
Số bằng: RV 265 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

- 345 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐỨC KIỀU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MR 317 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1970
- 346 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NHỮ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 01 năm 1952
Số bằng: GE 815 kp Quyết định số: 1077/TTga ngày 29 tháng 9 năm 2003
- 347 Liệt sĩ: **VŨ VĂN LUẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 1969
Số bằng: EV 810 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1973
- 348 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 02 năm 1949
Số bằng: KC 282 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973
- 349 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẮC THUỶ (THỈ)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1971
Số bằng: CH 598 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972
- 350 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1973
Số bằng: SG 607 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1976
- 351 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1953
Số bằng: KC 333 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973
- 352 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN PHỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1969
Số bằng: RN 807 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 07 tháng 02 năm 1976
- 353 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 8R 719 bt Quyết định số: 59/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1979

- 354 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: RN 743 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 07 tháng 02 năm 1976
- 355 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGHỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1970
Số bằng: QS 799 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 04 tháng 3 năm 1976
- 356 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG ĐÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MF 161 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 357 Liệt sĩ: **ĐÀO MINH THUẬT**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OB 380 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 09 tháng 12 năm 1974
- 358 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: MD 715 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1970
- 359 Liệt sĩ: **VŨ DUY ĐÀ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CH 627 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972
- 360 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1972
Số bằng: RN 811 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 07 tháng 02 năm 1976
- 361 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: ML 176 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1970
- 362 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MF 253 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 363 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: ZG 640 bp Quyết định số: 1664/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1977

- 364 Liệt sĩ: **VŨ QUANG THIẾP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RE 906 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976
- 365 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN TÍN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: LC 725 bp Quyết định số: 420/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974
- 366 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC HỒNG**
Giao thông vận tải Hà Tĩnh, Nguyên quán: xã Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1967
Số bằng: IM 062 cm Quyết định số: 453/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1972
- 367 Liệt sĩ: **ĐỖ TRỌNG KHÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 9 năm 1975
Số bằng: QS 796 bt Quyết định số: 113TTga ngày 04 tháng 3 năm 1976
- 368 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYẾT**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1974
Số bằng: RG 494 bm Quyết định số: 242/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976
- 369 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÔNG**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 5 năm 1950
Số bằng: GU 505 bp Quyết định số: 350/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2005
- 370 Liệt sĩ: **PHẠM KHẮC TÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 02 năm 1949
Số bằng: BC 169 kp Quyết định số: 223/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1970
- 371 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGƯ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 10 năm 1979
Số bằng: 2AA 402 bt Quyết định số: 07/CTKT ngày 01 tháng 9 năm 1981
- 372 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÁU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 02 năm 1966
Số bằng: IM 839 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968

- 373 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 01 năm 1951
Số bằng: KC 168 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1973
- 374 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN DIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 01 năm 1954
Số bằng: AM 301 bp Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968
- 375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1974
Số bằng: QS 787 bm Quyết định số: 113TTga ngày 04 tháng 3 năm 1976
- 376 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG BA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 1977
Số bằng: 3H 594 bt Quyết định số: 58/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1978
- 377 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÁO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1951
Số bằng: GE 831 kp Quyết định số: 1077/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2003
- 378 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN SÁM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 3 năm 1952
Số bằng: KC 318 kp Quyết định số: 197/TTga ngày 14 tháng 9 năm 1972
- 379 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC THỊNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tràng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1967
Số bằng: LE 530 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974
- 380 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN CHƯƠNG**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1969
Số bằng: SP 395 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 381 Liệt sĩ: **PHẠM ĐẮC SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1954
Số bằng: MX 662 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962
- 382 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 8 năm 1952

Số bằng: XY 344 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

383 Liệt sĩ: **BÙI QUANG (DUY) BÁI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1969

Số bằng: NX 056 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

384 Liệt sĩ: **TRINH CÔNG SINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972

Số bằng: GB 916 bm Quyết định số: 236/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

385 Liệt sĩ: **DƯƠNG DUY PHON**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1970

Số bằng: CV 024 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 09 tháng 01 năm 1972

386 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN BÌNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1968

Số bằng: EQ 617 bm Quyết định số: 175TTga ngày 5 tháng 11 năm 1973

387 Liệt sĩ: **BÙI GIA BÔNG**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1970

Số bằng: OE 129 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974

388 Liệt sĩ: **BÙI TRỌNG CHIÊM**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1969

Số bằng: RV 323 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

389 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VIỄN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 8 năm 1950

Số bằng: XY 347 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

390 Liệt sĩ: **NGO VĂN BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1968

Số bằng: 2S 007 bm Quyết định số: 1287/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

391 Liệt sĩ: **BÙI GIA LỢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 8 năm 1978

Số bằng: 9B 095 bt Quyết định số: 800/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1979

392 Liệt sĩ: **BÙI DUY VŨ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: NX 055 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

393 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THIỆU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 10 năm 1952
Số bằng: XH 507 bp Quyết định số: 3283/TTg ngày 16 tháng 6 năm 1958

394 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TUYẾN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 2G 694 bm Quyết định số: 1664/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1977

395 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC KHẢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 4 năm 1951
Số bằng: NX 058 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

396 Liệt sĩ: **TRỊNH CÔNG LUẬN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1969
Số bằng: HQ 211 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1973

397 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỎA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AK 437 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 3 tháng 11 năm 1971

398 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NUÔI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1971
Số bằng: RV 235 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

399 Liệt sĩ: **BÙI GIA NGOÃN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MH 459 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1970

400 Liệt sĩ: **TRỊNH CÔNG VINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1968
Số bằng: RE 915 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

401 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐÍCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Quý, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1970
Số bằng: QS 729 bm Quyết định số: 113TTga ngày 04 tháng 3 năm 1976

- 402 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG TRÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1967
Số bằng: PV 857 bm Quyết định số: 484TTga ngày 16 tháng 12 năm 1973
- 403 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC RỘP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 09 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 5G 187 bt Quyết định số: 459TTga ngày 5 tháng 8 năm 1978
- 404 Liệt sĩ: **ĐOÀN KIM NHỎN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 02 năm 1972
Số bằng: EV 001 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1973
- 405 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AQ 919 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971
- 406 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1971
Số bằng: CV 494 bm Quyết định số: 399/TTga ngày 01 tháng 9 năm 1972
- 407 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9B 092 bt Quyết định số: 800/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1979
- 408 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1969
Số bằng: EO 721 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1971
- 409 Liệt sĩ: **ĐẶNG TIẾN NGHIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1972
Số bằng: UE 644 bm Quyết định số: 064/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977
- 410 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG TRẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 10 năm 1966
Số bằng: MF 078 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 411 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG LUY**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh

Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1973
Số bằng: EN 650 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1973

412 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC MẠNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 01 năm 1984
Số bằng: AH 069 bt Quyết định số: 305/CTKT ngày 09 tháng 12 năm 1984

413 Liệt sĩ: **LÊ ĐẮC MINH**

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MR 334 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1970

414 Liệt sĩ: **NGÔ TRỌNG TÂN**

Cán bộ đoàn thanh niên, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 5 năm 1950
Số bằng: AC 637 cp Quyết định số: 195/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

415 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BẢO**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KP 002 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 12 tháng 5 năm 1973

416 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LỘC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1969
Số bằng: SG 714 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1976

417 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢO**

Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1966
Số bằng: MĐ 497 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

418 Liệt sĩ: **LÊ HỮU CA**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1970
Số bằng: ĐN 220 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1972

419 Liệt sĩ: **ĐÀO TRỌNG HIẾU**

Trợ lý tham mưu tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1968

Số bằng: CH 513 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

420 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG OANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9H 177 bt Quyết định số: 38/Ttga ngày 14 tháng 1 năm 1980

- 421 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: KC 948 bp Quyết định số: 304/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973
- 422 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TUỆ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 01 năm 1971
Số bằng: GI 140 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1973
- 423 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC BÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: ĐA 549 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1972
- 424 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NẾU**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 8U 629 bt Quyết định số: 696/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1979
- 425 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG PHẢ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GI 170 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1973
- 426 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN SAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1950
Số bằng: XH 515 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958
- 427 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ER 277 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973
- 428 Liệt sĩ: **VŨ VĂN ĐIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NE 033 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974
- 429 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH VỸ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XH 631 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958
- 430 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỤ VUI**

Trung đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Thụy Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 1Z 989 km Quyết định số: 1709/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977

431 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CG 072 bm Quyết định số: 022/TTga ngày 06 tháng 6 năm 1972

432 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HỆ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1968
Số bằng: UB 564 bm Quyết định số: 058/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

433 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LŨY**

Quân báo xã, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 12 năm 1952
Số bằng: AC 724 kp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

434 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN SỸ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1953

Số bằng: XH 914 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

435 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIÊM**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1969
Số bằng: LE 415 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

436 Liệt sĩ: **VŨ QUANG ĐIỀU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trưng, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 2 năm 1954
Số bằng: XH 375 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

437 Liệt sĩ: **LÊ LONG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XH 433 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

438 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGỪNG**

Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1974
Số bằng: RH 217 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1976

439 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGÂY**

Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1965

Số bằng: AK 082 bm Quyết định số: 063/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

440 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH LINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1970

Số bằng: PN 557 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1975

441 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỀN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1971

Số bằng: PN 552 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1975

442 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮT**

Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1971

Số bằng: EK 474 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

443 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TƯỜNG**

Xã viên hợp tác xã vận tải sông Diêm, tỉnh Thái Bình, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 7 năm 1967

Số bằng: HM 192 cm Quyết định số: 075/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1971

444 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DẪN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trung, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1953

Số bằng: XK 039 bp Quyết định số: 328/TTg ngày 01 tháng 7 năm 1978

445 Liệt sĩ: **LÊ MẠNH CƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972

Số bằng: EV 096 bm Quyết định số: 163/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1973

446 Liệt sĩ: **BÙI VIỆT BẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Châu, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1951

Số bằng: DX 024 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

447 Liệt sĩ: **NGUYỄN BIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 5 năm 1950

Số bằng: CX 821 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

448 Liệt sĩ: **TÔ HUẤN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 3 năm 1954

Số bằng: CX 797 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

- 449 **Liệt sĩ: VŨ VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CH 244 bm Quyết định số: 244/TTGa ngày 20 tháng 6 năm 1972
- 450 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUANG ĐÌNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1967
Số bằng: bp 700 bm Quyết định số: 86/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1972
- 451 **Liệt sĩ: TRƯƠNG ĐỨC VIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1967
Số bằng: OM 595 bm Quyết định số: 098/TTGa ngày 20 tháng 6 năm 1969
- 452 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN CÁC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Văn, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1950
Số bằng: XK 673 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960
- 453 **Liệt sĩ: VŨ NGỌC THẮNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1971
Số bằng: RO 967 bm Quyết định số: 305/TTGa ngày 09 tháng 7 năm 1976
- 454 **Liệt sĩ: HỒ TRỌNG SÓT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 4 năm 1951
Số bằng: XK 602 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960
- 455 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH BAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 1 năm 1951
Số bằng: BC 920 bp Quyết định số: 211/TTGa ngày 03 tháng 9 năm 1970
- 456 **Liệt sĩ: GIANG KHẮC CHÍ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: QS 565 bm Quyết định số: 111/TTGa ngày 03 tháng 4 năm 1976
- 457 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 8 năm 1952
Số bằng: CX 830 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960
- 458 **Liệt sĩ: TRẦN HUY KHOÁNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 1A 431 bm Quyết định số: 719/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

- 459 Liệt sĩ: **GIANG VĂN RUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 11 năm 1953
Số bằng: BC 924 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970
- 460 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KIẾN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1951
Số bằng: XK 607 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960
- 461 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HƯƠNG**
Phó Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1964
Số bằng: IZ 496 cm Quyết định số: 1610/TTga ngày 03 tháng 12 năm 1977
- 462 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1967
Số bằng: AQ 636 bm Quyết định số: 122/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1971
- 463 Liệt sĩ: **TẶNG MINH TIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MĐ 342 bm Quyết định số: 092/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970
- 464 Liệt sĩ: **VŨ VĂN SÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MH 257 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970
- 465 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC KIỂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1970
Số bằng: PG 470 bm Quyết định số: 248/TTga ngày 01 tháng 7 năm 1975
- 466 Liệt sĩ: **HÀ ĐỒNG CHÂU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1950
Số bằng: BC 094 kp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970
- 467 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH KHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1965
Số bằng: BH 975 bm Quyết định số: 068/TTga ngày 29 tháng 02 năm 1972

- 468 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: 1A 505 bm Quyết định số: 720/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977
- 469 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: RV 043 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976
- 470 Liệt sĩ: **VŨ NHƯ HÙNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1952
 Số bằng: PX 735 bp Quyết định số: 145/TTga ngày 11 tháng 10 năm 1966
- 471 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THEO**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1954
 Số bằng: XK 604 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960
- 472 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHÌ**
 Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 10 năm 1951
 Số bằng: EZ 681 kp Quyết định số: 1604/TTg ngày 24 tháng 12 năm 2001
- 473 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YÊN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1952
 Số bằng: BC 833 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970
- 474 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIÊN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Học, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1970
 Số bằng: CG 260 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972
- 475 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐẮC NGHIÊM**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 4 năm 1954
 Số bằng: XK 614 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960
- 476 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THAO**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 02 năm 1951
 Số bằng: GE 824 kp Quyết định số: 1077/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2003
- 477 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1973

Số bằng: RO 894 bm Quyết định số: 305/TTGa ngày 09 tháng 7 năm 1976

478 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG CHÚ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972

Số bằng: NE 170 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

479 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐẮC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1974

Số bằng: PB 424 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975

480 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN SÁNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1952

Số bằng: CX 953 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

481 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972

Số bằng: GB 754 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

482 Liệt sĩ: **BÙI THẾ THÁI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1973

Số bằng: QS 555 bm Quyết định số: 111/TTga ngày 03 tháng 4 năm 1976

483 Liệt sĩ: **TRỊNH THUỶ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952

Số bằng: XK 652 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

484 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN HẢ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968

Số bằng: RO 887 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

485 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LÁP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1951

Số bằng: DX 069 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

486 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1952

Số bằng: XA 3,138 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

487 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỜ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XK 650 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

488 Liệt sĩ: **VŨ QUANG VIỆN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Ninh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1951
Số bằng: CX 857 bp Quyết định số: 334/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1960

489 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN LOAN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1973
Số bằng: RP 314 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

490 Liệt sĩ: **ĐỖ THỊ KHUYÊN**

Chiến sĩ Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1970
Số bằng: KM 907 cm Quyết định số: 345/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

491 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG TẠCH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SD 412 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

492 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH SOÁI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NE 086 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

493 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1969
Số bằng: SD 345 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

494 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRƯỜNG LANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1971
Số bằng: EV 459 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

495 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VỤ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AK 268 bm Quyết định số: 063/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

496 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIÊU**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1971
Số bằng: SD 347 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

- 497 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỰ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 5 năm 1951
Số bằng: DP 255 kp Quyết định số: 149/TTg ngày 10 tháng 3 năm 1995
- 498 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7A 123 bt Quyết định số: 1292/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1978
- 499 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1950
Số bằng: PX 624 bp Quyết định số: 143/TTga ngày 11 tháng 10 năm 1966
- 500 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1950
Số bằng: BC 890 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970
- 501 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH QUYỀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1950
Số bằng: BC 891 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970
- 502 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN TẢNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 9 năm 1951
Số bằng: 1HC 079 bp Quyết định số: 1044/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978
- 503 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG PHIẾU**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1971
Số bằng: SD 373 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976
- 504 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG PHỔ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 10 năm 1952
Số bằng: BC 889 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970
- 505 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1966
Số bằng: AK 193 bm Quyết định số: 063/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971
- 506 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH RONG**

Thiếu uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MĐ 580 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1970

507 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THỂ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: GA 036 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1973

508 Liệt sĩ: **TRẦN HUY PHƯƠNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SD 375 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

509 Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU THỨ**

Nhân viên công an, Nguyên quán: xã Thụy Trung, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XY 704 cp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958

510 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC HỒN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1965
Số bằng: MF 085 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

511 Liệt sĩ: **VŨ QUANG TIU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1971
Số bằng: EL 784 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1975

512 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TÍT**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Cầu, huyện Phụ Dực, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XA 598 kp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958

513 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1952
Số bằng: BC 898 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

514 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1953
Số bằng: XM 804 bp Quyết định số: 098/TTg ngày 02 tháng 3 năm 1959

515 Liệt sĩ: **NGÔ ĐÌNH TƯỚC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1950
Số bằng: DK 688 kp Quyết định số: 469/TTg ngày 16 tháng 9 năm 1993

- 516 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH XUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XM 334 bp Quyết định số: 098/TTg ngày 02 tháng 3 năm 1959
- 517 Liệt sĩ: **ĐỖ THANH HỒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NE 052 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974
- 518 Liệt sĩ: **VŨ VĂN PHIÊM**
Trợ lý quân giới phân khu Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PV 158 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975
- 519 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN PHI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: EK 424 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973
- 520 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TẠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EF 193 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973
- 521 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẶN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1967
Số bằng: MĐ 214 bm Quyết định số: 079/TTga ngày 02 tháng 4 năm 1970
- 522 Liệt sĩ: **TÔ VĂN HÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1967
Số bằng: QM 504 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969
- 523 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1952
Số bằng: BC 288 bp Quyết định số: 39/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970
- 524 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÌU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: XH 063 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 06 tháng 6 năm 1958
- 525 Liệt sĩ: **TRỊNH QUÝ ĐỊNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1949
Số bằng: BC 290 bp Quyết định số: 39/TTGa ngày 17 tháng 02 năm 1970

526 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO HOẠT**

Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Thụy Trưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1951
Số bằng: AC 561 cp Quyết định số: 39/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1970

527 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1968
Số bằng: CG 280 bm Quyết định số: 230/TTGa ngày 10 tháng 6 năm 1972

528 Liệt sĩ: **PHẠM THANH BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bằng: EQ 997 bm Quyết định số: 223/TTGa ngày 07 tháng 6 năm 1973

529 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC SÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1972
Số bằng: ES 735 bm Quyết định số: 201/TTGa ngày 29 tháng 5 năm 1973

530 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG MINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1970
Số bằng: ĐG 593 bm Quyết định số: 396/TTGa ngày 23 tháng 9 năm 1972

531 Liệt sĩ: **PHAN TRỌNG MÃ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ĐG 575 bm Quyết định số: 396/TTGa ngày 23 tháng 9 năm 1972

532 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THẠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9H 462 bt Quyết định số: 022/TTGa ngày 05 tháng 01 năm 1980

533 Liệt sĩ: **LÃ VĂN KỶ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1969
Số bằng: HQ 190 bm Quyết định số: 437/Ttga ngày 09 tháng 10 năm 1973

534 Liệt sĩ: **NGUYỄN NAM THIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1971
Số bằng: PV 442 bm Quyết định số: 440/TTGa ngày 08 tháng 11 năm 1975

- 535 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1968
Số bằng: PV 415 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1975
- 536 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TRÍCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1949
Số bằng: AC 883 kp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970
- 537 Liệt sĩ: **BÙI VIỆT TÍN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HS 235 bm Quyết định số: 447/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973
- 538 Liệt sĩ: **MAI NGỌC ĐÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: HO 498 bm Quyết định số: 448/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973
- 539 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIỀN LỘC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 6 năm 1968
Số bằng: EV 461 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973
- 540 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH DÓN**
Phó ban công an xã, Nguyên quán: xã Thái Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 11 năm 1950
Số bằng: AC 922 kp Quyết định số: 453/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1974
- 541 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUYÊN BẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 5 năm 1954
Số bằng: BC 230 bp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970
- 542 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC CHỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1952
Số bằng: NE 171 bp Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974
- 543 Liệt sĩ: **VŨ VĂN MẬU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XA 873 kp Quyết định số: 455/TTg ngày 04 tháng 10 năm 1958
- 544 Liệt sĩ: **HÒ TRỌNG LỪ**
Ủy ban hành chính xã, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy

sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KM 385 cm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973

545 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG XINH**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OB 240 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1974

546 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH QUYÊN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐA 777 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1972

547 Liệt sĩ: **LƯU ĐỨC LỢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1967
Số bằng: ĐA 737 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1972

548 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH DŨNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1949
Số bằng: AC 884 kp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

549 Liệt sĩ: **BÙI THẾ VINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1971
Số bằng: KD 105 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 30 tháng 10 năm 1973

550 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG DŨNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1971
Số bằng: UB 037 bm Quyết định số: 059/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

551 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐÁU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1951
Số bằng: BC 231 bp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

552 Liệt sĩ: **BÙI QUANG TUẤN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1971
Số bằng: KD 011 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 30 tháng 10 năm 1973

553 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HOÀI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KD 101 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 30 tháng 10 năm 1973

- 554 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THẠO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9S 335 bt Quyết định số: 471/TTGa ngày 04 tháng 7 năm 1980
- 555 Liệt sĩ: **VŨ TRỌNG ƯỚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8M 193 bt Quyết định số: 472/TTGa ngày 20 tháng 6 năm 1979
- 556 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1972
Số bằng: PV 633 bm Quyết định số: 453/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1975
- 557 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1972
Số bằng: EV 567 bm Quyết định số: 178/TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1973
- 558 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÓC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AQ 421 bm Quyết định số: 122/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1971
- 559 Liệt sĩ: **PHẠM DUY ĐÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 9 năm 1979
Số bằng: 9S 183 bt Quyết định số: 466/TTGa ngày 04 tháng 7 năm 1980
- 560 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN KIÊM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐN 245 bm Quyết định số: 474/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1972
- 561 Liệt sĩ: **LÊ HỮU CHÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1972
Số bằng: EF 301 bm Quyết định số: 238/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1973
- 562 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN NGỰ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Học, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1967
Số bằng: ĐN 445 bm Quyết định số: 483/TTGa ngày 02 tháng 12 năm 1972
- 563 Liệt sĩ: **PHAN THANH RUÔI**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 7 năm 1975